

sông mới

In tại nhà in riêng của nhà xuất bản  
G.P. số 674/TBTTCH/BC3/XB ngày 10-3-67

Giá : 45 đ.

TRẦN QUANG-KEÀI  
*Giáo-viên Tiểu-Học*



# TẬP LÀM VĂN

(55 BÀI LUẬN MẪU)

LỚP NHÌ



Nhà xuất-bản SÔNG MỚI  
30<sup>B</sup>, Phạm-ngũ-Lão — SAIGON

## LỜI NÓI ĐẦU

Muốn khá về môn Toán, các em học-sinh gắng công trong ba tháng đã thấy kết-quả. Trái lại, muốn khá về môn Luận, các em phải gắng công đến một năm. Bởi vậy, các em thích đề công học toán hơn là tập làm văn. Trong một lớp ở trường tiểu-học, chừng năm chục học-sinh, có thể ba mươi em làm đúng toán về bài thi lục-cá-nguyệt, mà chỉ có mười em được điểm trung-bình về bài luận. Rồi từ đây lên các lớp trên, các em kém mãi về môn luận là môn rất quan-hệ trong các kỳ thi cũng như ở lớp học. Sau đây, tôi xin hiến các em mấy điều cần-thiết về môn tập làm văn.

### I. VỀ Ý - TUỞNG

#### a) Đọc kỹ đầu bài.

Đọc kỹ đầu bài để khỏi nhầm. Nhầm đầu bài tất nhiên làm bài lạc đề sẽ phạm lỗi rất nặng. Có đọc kỹ đầu bài mới ý-thức rõ-rệt bài ấy thuộc về thể văn nào, nhiên-hậu mới chia bài ra từng đoạn để cho dễ làm.

#### b) Phân ý chính, ý phụ.

Bài nào cũng có phần chính, phần phụ. Phần chính thì nói kỹ, nói tỉ-mỉ, còn phần phụ chỉ nói sơ-lược. Có như vậy thì ý-tưởng mới đi sát vào bài, tránh được lỗi nói bông-lông, vô-ích.

#### c) Nêu ra những đặc-diểm.

Tả cảnh chỉ cần nêu ra cái đặc-sắc về hình-thể, về màu sắc để tỏ ra mình có con mắt quan-sát và biết nhận-xét cảnh-vật, chứ đừng kê-lê hết vật nọ vật kia một cách dài dòng vô-ích. Thi-du, ta muốn làm một cái nhà, các vật liệu sẵn có phải được nối liền với nhau một cách tinh-vi cho có mỹ-thuật, chứ đừng lủng-củng, bề-bộn đầy từng đống một, phỏng có ích gì!

#### d) Gọi đến các giác-quan.

Tả cảnh là tả đủ các màu sắc, nói ra các âm-thanh, diễn ra các hương-vị, phô ra các thể-chất. Như vậy người đọc vẫn tự coi như chính mình được tiếp-xúc với cảnh vật.

#### e) Biết so-sánh.

Trong đoạn văn tả cảnh sự so-sánh là quan-trọng. Nó làm cho đoạn văn thêm linh-dộng, thêm vẻ đẹp. Nhưng muốn so-sánh cho đúng cần phải có con mắt quan-sát và biết nhận-xét.

### g) Áp-dụng những câu ca-dao, tục-ngữ.

Trong ca-dao, tục-ngữ của ta có nhiều câu rất thích-hợp với cảnh, với người, với vật. Nếu khéo áp-dụng những câu ca-dao, tục-ngữ thì văn càng thêm hay, hay ở chỗ lời ngắn mà ý nhiều.

### h) Ý-tưởng rõ-rệt.

Khi hạ bút viết phải xếp đặt trong óc những ý gì muốn nói. Ý-tưởng có xác-dáng, rõ-rệt thì người đọc mới hiểu ý của mình đúng hay sai. Nếu ý không rõ-rệt thì lời cũng không thể rõ-ràng, như thế là tối nghĩa.

### i) Ý-tưởng phải liên-tục.

Trong một bài văn, câu nọ với câu kia, đoạn trên với đoạn dưới, từ câu mở bài đến thân bài, đến câu kết phải dính liền với nhau. Chỗ chuyển-tiếp ấy làm cho văn hay bao nhiêu thì tìm cho được câu chuyển-tiếp cũng phải tốn công bấy nhiêu.

### k) Kết-luận ăn vào bài.

Câu kết-luận phải ăn sát vào đầu đề. Câu kết bóng-lông, nhạt-nhẽo sẽ làm giảm giá bài văn rất nhiều. Trái lại, câu kết đậm-đà thân-mật sẽ làm cho người đọc thêm nhiều thiện-cảm. Có khi làm cho người xem văn phải đọc lại cả bài để đánh giá cho công-bằng, xứng-dáng.

### l) Thêm ý thiếu, bớt ý thừa.

Làm bài phải ráp cẩn-thận, ráp xong đọc đi đọc lại xem có thiếu ý gì thì thêm vào, ý nào thừa-vô-dụng, vô-ích thì bỏ đi. Trong khi làm bài, có nhiều ý thiếu sót, có nhiều ý mới nghĩ lời đã vội viết vào giấy, có nhiều ý nảy-nở tự-nhiên mà không đúng chỗ, cũng có nhiều ý đã nói rồi lại nhắc lại. Bởi vậy, bài ráp xong phải soát lại để ý trên ăn khớp với ý dưới. Cần nhắc xem bài làm thế là vừa hay dài quá hoặc ngắn quá. Ở lớp Nhì, một bài luận dài độ ba chục dòng là tối đa.

## II. VỀ LỜI VĂN

### a) Câu đặt gọn.

Câu đặt gọn thì lời văn mới rõ-ràng. Lời có rõ-ràng mới diễn-dạt được ý-tưởng. Ý-tưởng hay đến đâu mà lời văn không gãy-gọn thì ý-tưởng cũng vô giá-trị. Kinh-nghiệm cho biết một số học sinh lớp Nhì văn chưa biết đặt câu. Đôi khi các em đặt câu dài quá. Câu dài quá thanh-ra lủng-củng, tối nghĩa.

### b) Bỏ bớt những tiếng « thì, mà, và, rồi ».

Muốn đặt câu gọn-gàng phải bỏ bớt những tiếng « thì, mà, và, rồi ». Một câu có hai ba tiếng « thì, mà » thành ra nặng-nề, lủng-củng, non-nớt và tối nghĩa.

### e) Chấm câu đúng chỗ.

Chấm câu phải đúng chỗ thì câu văn mới rõ nghĩa. Một câu thiếu dấu phẩy, dấu chấm hay không có dấu sẽ thành ra vô nghĩa hoặc sai hẳn nghĩa. Bởi vậy có người đã nói: « Biết chấm câu tức là biết viết văn ».

### d) Dùng chữ khéo.

Trong một bài văn thỉnh-thoảng mới được một câu hay. Câu ấy hay là nhờ ở một vài chữ khéo dùng. Một động-từ hay một tính-từ khéo dùng sẽ làm cho câu văn nổi bật lên. Nó làm cho người đọc cảm-giác như nhìn thấy một động-tác, một sắc đẹp, như nghe thấy một âm-thanh, như ngửi thấy một mùi thơm, như nếm được một vị ngọt.

### e) Viết đúng chính-tả

Những chữ viết sai chính-tả làm cho câu văn sai hẳn nghĩa, có khi thành ra vô nghĩa. Đến ngay các dấu giọng cũng vậy, có khi chỉ sai một cái dấu mà người đọc không hiểu ra sao.

### g) Đọc lại từng câu.

Mỗi câu viết xong sẽ được đọc lại xem có gọn-gàng không, có xuôi tai không. Nếu thấy câu dài quá thì ngắt bớt. Nếu thấy câu lủng-củng, tối nghĩa thì sửa lại. Cũng ở bản ráp, phần trên về ý-tưởng thì hết bài mới sửa lại, mà ở đây, phần lời văn thì sửa luôn từng câu một.

# TẢ ĐỒ VẬT

## DÀN BÀI CHUNG

**MỞ BÀI :** Đồ-vật đề ở đâu ? Cũ hay mới ? Mua từ bao giờ ? Của ai cho ?

**THÂN BÀI :**

- a) Hình-thể
- b) Kích thước : Dài, rộng, cao, bao nhiêu ?
- c) Màu-sắc : Mới hay cũ, ? Toàn sắc hay pha sắc ?
- d) Các bộ-phận : Có những bộ-phận nào ? Mỗi bộ-phận có gì nối liền vào nhau ?
- e) Ích-lợi.
- g) Cách giữ-gìn.

**KẾT-LUẬN :** Cảm-tưởng của em đối với vật ấy.

\*

**BÀI 1**

## Tả cái bảng đen

### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Cái bảng đen kê ở chỗ nào ?

**THÂN BÀI :**

- a) Bảng hình gì ? Dài, rộng bao nhiêu ?
- b) Mặt bảng thế nào ? Nhẵn hay ráp ? Nặng hay nhẹ ? Do mấy mảnh gỗ ghép lại ? Mặt bảng sơn màu gì ? Có xoay đi xoay lại được không ?
- c) Giá bảng thế nào ?
- d) Ích-lợi : Thầy giáo làm gì trên bảng ? Học-trò làm gì ?
- e) Lau bảng bằng gì ?

**KẾT-LUẬN :** Cảm-tưởng của em đối với cái bảng ?

## BÀI LÀM

Trong lớp học em, cái bảng đen được kê cạnh bàn giấy của thầy giáo ngay trước mặt chúng em.

Bảng hình chữ nhật, dài chừng một thước bốn tấc, rộng chừng một thước.

Mặt bảng là ba mảnh gỗ dẫu nhẹ-nhàng, mỏng-mạnh ghép sát nhau. Mặt bảng nhẵn mịn, sơn đen bóng loáng làm nổi bật lên những nét phấn trắng tinh. Những anh ngồi cuối lớp cũng nhìn rõ chữ. Chung-quanh mặt bảng đóng nẹp cho chắc-chắn, mặt bảng dính vào khung bằng bốn cái chốt, xoay đi xoay lại dễ-dàng, nên viết được cả hai mặt.

Mặt bảng dựng trên cái giá bằng gỗ lim, có hai chân to và chắc.

Thầy-giáo vừa giảng bài vừa lần lượt ghi lên bảng tất cả những điều cần-thiết. Vừa nhìn lên bảng vừa lắng tai nghe, chúng em đã thuộc được nửa bài học. Mỗi khi em được gọi lên bảng làm tinh mà được thầy khen, sao mà sướng thế !

Sau mỗi lần viết xong, chúng em lau bảng bằng một miếng giẻ ẩm cho bụi phấn khỏi bay tung.

Bảng cần thiết biết chừng nào ! Giả thử trong lớp học không có bảng đen, thầy và trò đành chịu khoanh tay.

Chúng em coi cái bảng như một bạn chí-thân. Hình như nó thầm khuyên chúng em : « Anh em chúng mình cố gắng đua cho vượt các lớp khác nhé ! »



### BÀI 2

## Cái bàn giấy của thầy-giáo em

### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Cái bàn giấy của thầy-giáo em kê ở đâu ?

**THÂN BÀI :**

- a) Mặt bàn hình gì ? Dài, rộng bao nhiêu ? Chân bàn cao độ bao nhiêu ?

- b) Bàn có mấy ngăn ? Mỗi ngăn khác nhau thế nào ? Mỗi ngăn đựng gì ?
- c) Trên mặt bàn trải một cái khăn phủ bàn bằng gì ? Màu gì ?
- d) Trên mặt bàn bày những gì ? (Lọ hoa, sổ sách, bút mực).
- e) Thầy-giáo cần bàn giấy làm gì ? Thầy gọi học-trò lên bàn giấy làm gì ?
- g) Hằng ngày các em lau bàn giấy thế nào ?

**KẾT-LUẬN :** Nhìn lên bàn giấy các em có cảm-tưởng gì ?

## BÀI LÀM

Bàn giấy của thầy-giáo kê vào khoảng giữa hai cái bảng đen, đối diện với chúng em.

Mặt bàn hình chữ nhật, dài dờ hơn một thước, rộng độ tám mươi phân. Mặt bàn là hai miếng gỗ ghép lại, đánh xi bóng loáng. Chân bàn cao độ bảy mươi phân.

Dưới mặt bàn có hai ngăn : Ngăn bên phải có cửa khóa để vở thi của chúng em. Ngăn bên trái để sổ sách của thầy-giáo. Ngăn này thấp hơn, mở ra đóng vào rất tiện.

Mỗi buổi sáng, đội trực-nhật phủ lên mặt bàn một cái khăn bằng ni-lông màu xanh nhạt. Giữa bàn bày một cái lọ thủy-tinh cắm vài cành hoa đỏ chói, điểm mấy lá xanh rờn. Hai bên bày sổ sách, bút mực của thầy-giáo.

Thầy-giáo ngồi ở bàn giấy vừa giảng bài vừa trông coi cả lớp. Ở đây thầy ghi điểm, thầy soát bài, thầy gọi học-trò lên khuyên-nhủ một vài câu.

Chúng em quý cái bàn giấy hơn cái bàn riêng của chúng em. Hằng ngày chúng em thay phiên nhau lau bàn giấy bằng cái giẻ ẩm.

Đôi khi thầy ra khỏi lớp mà lớp học vẫn im phăng-phắc. Lúc ấy, nhìn lên bàn giấy trong óc chúng em vẫn hình-dung đến những cử-chỉ nghiêm-trang của Thầy.



**BÀI 3**

**Tả cái bảng danh-dự  
của lớp em**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Cái bảng danh-dự treo ở chỗ nào ?

**THÂN BÀI :**

- a) Bảng bằng gì ? Hình gì ? Khung thế nào ? Dài, rộng bao nhiêu cen-ti-mét ?
- b) Trên bảng viết chữ gì ? Chữ thế nào ? Vẽ hình gì ? Màu gì ?
- c) Những màu bìa con ghi tên ai ? Khi nào thay những màu bìa ấy ?
- d) Mỗi khi được ghi tên trên bảng danh-dự, ông hiệu-trưởng đến lớp nói gì ?
- e) Khi em được ghi tên trong bảng danh-dự thì lòng em thế nào ? Em báo tin ấy với cha mẹ em thì cha mẹ em nói gì ?

- KẾT-LUẬN :**
- a) Vào đến lớp học là em đề ý đến cái bảng danh-dự. Tại sao ?
  - b) Em phải học-hành thế nào để được ghi tên vào đó ?

**BÀI LÀM**

Cái bảng danh-dự của lớp em treo trên tường, phía trước mặt chúng em,

Đó là miếng bìa cứng lõng trong khung kính bằng gỗ gỗ màu nâu sẫm bóng loáng. Cái bảng danh-dự hình chữ nhật, dài độ năm mươi phân, rộng độ ba mươi phân. Tấm bảng màu xanh lam dịu dàng. Phía trên nổi lên ba chữ « Bảng danh-dự » màu đỏ tươi, viết theo kiểu chữ in hoa. Phía dưới, chia làm hai phần. Phần bên trái vẽ hai cành tre xanh sẫm khoe tươi trong nền trời xanh nhạt. Phần bên phải gắn bảy màu bìa nhỏ khác màu. Màu trên đề tên tháng. Dưới hai hàng song song, ba màu bìa màu hồng ghi tên ba học-sinh giỏi nhất. Ba màu bìa xanh ghi tên ba học-sinh ngoan nhất. Cứ mỗi đầu tháng những màu bìa ấy lại thay đổi tùy theo sự học-vấn và đức-hành của các học-sinh.

Đề cho các học-sinh ấy được thêm phần danh-dự, ông

hiệu-trưởng còn đến từng lớp mà khen-ngợi họ và khuyến-kích cả lớp.

Tháng vừa rồi em được ghi tên trên bảng danh-dự. Em báo tin mừng, mẹ em âu-yếm xoa đầu :

« Con mẹ ngoan lắm. Con cố gắng thêm lên. Cuối năm học được lên lớp, cha mẹ sẽ thưởng cho con một cái cặp sách thật đẹp.» Em cảm thấy sung-sướng lắm.

Mỗi lần tới lớp học là em nhìn lên tấm bảng danh-dự, nó thầm nhắc-nhở em phải chăm-chỉ học để thầy-giáo và cha mẹ em được vui lòng.



**BÀI 4**

**Tả cái cặp sách của em**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Cái cặp sách của em mua tự bao giờ ? Ai mua cho em ? Nhân dịp nào ?

**THÂN BÀI :**

- a) Cái cặp bằng gì ? Màu gì ? Cũ hay mới ?
- b) Mặt cặp thế nào ? Nhấn hay ráp ? Dài, rộng bao nhiêu ? Mặt trước có mấy khóa ? Khóa thế nào ?
- c) Có mấy ngăn ? Ngăn to đựng gì ? Ngăn nhỏ đựng gì ?
- d) Quai xách thế nào ?
- e) Giữ-gìn : lau, đánh bóng, phơi, không vắt xuống đất.

**KẾT-LUẬN :** Em coi cái cặp sách như người bạn tin-cần. Vì sách ?

**BÀI LÀM**

Hôm khai trường đầu năm học vừa qua, chú em mua cho em một chiếc cặp da.

Cái cặp sách bằng da thuộc, màu nâu sẫm. Mùi da mới còn xông lên như mùi thuốc bắc.

Hai mặt cặp nhấn thín, dài độ bốn mươi phân, rộng độ ba mươi phân.

Mặt trước cặp có cái khóa bằng đồng mạ kền bóng loáng. Hai bên khóa có hai cái khuy bằng thép để luồn hai miếng da vào làm cho cái cặp chắc-chắn thêm.

Cặp có ba ngăn. Hai ngăn to đựng sách vở, sách in đề riêng, vở đề riêng. Ngăn nhỏ đựng hộp bút, hộp chì màu và giấy làm thủ công. Ngăn nhỏ dính liền vào ngăn kia bởi một miếng da mỏng và mềm.

Trên nắp cặp có một cái quai bằng da dày và cứng, tay em nắm vừa vặn.

Em giữ gìn cái cặp sách rất cẩn-thận. Chủ-nhật nào em cũng lấy xi đánh bóng. Không bao giờ em vất cặp xuống đất để cho cặp khỏi dính đất cát. Gặp lúc mưa to, em lấy áo mưa phủ ngoài cặp cho khỏi bị ướt. Về đến nhà em cất cái cặp lên ngăn kéo đóng sát tường.

Em coi cái cặp sách như một người bạn tin-cần của em, vì nó giữ cho em các dụng-cụ cần-thiết.



**BÀI 5**

### Tả quyển sách học vỡ lòng cũ của em

#### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Em lục sách vở cũ để làm gì? Em tìm thấy quyển sách vỡ lòng cũ ở đâu?

**THÂN BÀI :**

- a) Quyển sách ấy bìa màu gì? Màu đã thế nào? Ngoài bìa còn những chữ gì? Chữ thế nào?
- b) Giở bên trong thấy giấy thế nào? Chữ thế nào? Hình vẽ thế nào? Tô màu thế nào?
- c) Mấy chữ mới học nhắc-nhở đến những kỹ-niệm gì?
- d) Ở lớp học được thầy-giáo khen,
- e) Về nhà được mẹ em kèm thêm.

**KẾT-LUẬN :** Nhìn thấy quyển sách cũ em nghĩ đến công thầy-giáo dạy-dỗ lúc học vỡ lòng.

#### BÀI LÀM

Sáng chủ-nhật vừa qua, em lục chõng sách cũ đem phơi. Bỗng em tìm thấy tận đây tú một quyển sách cũ-kỹ.

Đó là quyển sách vỡ lòng của em. Bìa màu xanh đã ngả sang màu vàng khè. Bìa mềm-xù, mặt sau rách mất một nửa. Mặt trước mực loang-lổ, lèm-nhèm phủ kín cả hai chữ « Văn Vui » là tên quyển sách.

Giở vào trong xem. Các trang giấy trắng đã biến thành màu lơ-lơ nước dưa. Nhiều trang giay rách nát. Nhiều dòng chữ bị vết tay bần bôi mờ đi. Những hình vẽ đều được tô đủ màu : xanh, đỏ, vàng, tím. Những nét tô lèm-nhèm, lạch-lạch trông thật buồn cười.

Nhìn vào đó, em sực nhớ lại mới ngày nào học vỡ lòng. Mồm kêu oang-oác « i đi học, i đánh bi » mà mắt chẳng nhận được hình chữ gì. Có lẽ đến nửa tháng mới nhận được mặt chữ o, vì nó « tròn như quả trứng gà ».

Thế mà thỉnh-thoảng được thầy-giáo lớp năm khen là ngoan là giỏi, sao mà sướng thế. Về nhà khoe khắp mọi người. Tối đến, mẹ em ngồi khâu lại bảo em lấy sách ra học. Có lần học đến chữ « Ô, ô-lô » em khen đẹp rồi vui-vĩnh đòi mua. Mẹ em vừa cười vừa nói : « Ừ! con cố học đi. Bao giờ biết đánh vần mẹ sẽ mua cho cái ô-lô ». Rồi nào cũng vậy, mỗi lần giở quyển « Văn Vui » ra, em mở hết trang này trang khác. Mở để xem hình vẽ hơn là nhìn vào mặt chữ. Ấy thế mà t luồn-quần ba bốn tháng là em biết đánh vần.

Thời-gian đi mau quá. Bây giờ em đã biết làm luận, làm tính đổ. Nhưng nhìn vào quyển sách vỡ lòng này, em quên sao được thầy-giáo lớp năm cũ của em. Thầy em kiên-tâm, bình-lĩnh và ngọt-ngào lắm. Thầy chịu khó nắn-nót từng ly từng tý cho lũ học-trò « măng sữa » như em.



**BÀI 6**

### Tả lớp em học

#### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Em học lớp nào? Lớp học ở chỗ nào? (Gần công, đầu dãy hay cuối dãy...)

**THÂN BÀI :**

- a) Lớp học dài, rộng, cao độ bao nhiêu?

- b) Mái lợp bằng gì ? Cũ hay mới ? Tường quét vôi màu gì ?
- c) Trên tường treo nhiều tranh ảnh.
- d) Cửa ra vào, cửa sổ.
- e) Bàn ghế thầy-giáo, bàn ghế học-trò.
- g) Ngồi trong lớp học-hành vui-vẻ.

**KẾT-LUẬN :** Em cố-gắng học-hành để xứng-đáng với quang-cảnh lớp học đẹp.

### BÀI LÀM

Em học lớp Nhì. Lớp học em ở cạnh văn-phòng ông hiệu-trưởng.

Lớp em dài độ 8 thước, rộng sáu thước, cao sáu thước.

Mái lợp ngói tàn đã lốm-dốm màu xanh rêu. Tường xây gạch mới quét vôi trắng xóa. Chân tường quét vôi vàng màu gạch non.

Trên tường treo nhiều bức tranh tô màu rất đẹp : tranh khoa-học, tranh cổ-tích, địa-đồ.

Lớp học có một cửa ra vào, ba cửa sổ cao và rộng. Bởi vậy, lớp học lúc nào cũng thoáng hơi và sáng-sủa. Các khung cửa và cánh cửa chớp mới sơn lại màu xanh nhạt.

Trong lớp học, mười hai bộ bàn ghế học-trò và bàn ghế thầy-giáo bằng gỗ gỗ, sơn màu da bò. Hai cái băng mới sơn lại màu đen láy.

Học-trò đông đến sáu chục người, thế mà lớp học vẫn im phăng-phắc. Cái cảnh sum-họp ở lớp học vui-vẻ chẳng khác gì cảnh sum-họp buổi tối ở trong gia-đình.

Vào đến lớp học là em phải cố-gắng để xứng-đáng với lớp học trang-hoàng đẹp-đẽ, nhưt là để khỏi phụ công giảng dạy của thầy-giáo em. Sau này, có đi học trường khác, trong óc em cũng còn ghi lại bao kỷ-niệm tốt đẹp của lớp học em.

★

## BÀI 7

### Tả nhà trường em học

#### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Em học trường nào ? Trường ấy ở đâu ?

**THÂN BÀI :**

- a) Cổng trường thế nào ? Có gì đặc-biệt ?
- b) Trường có mấy dãy nhà ? Mái cũ hay mới ? Tường quét vôi màu gì ? Nền cao hay thấp ?
- c) Mỗi lớp có nhiều cửa sổ và một cửa ra vào.
- d) Mỗi lớp trang-hoàng thế nào ? (Nói sơ-lược)
- e) Cửa lớp có hiên rộng.
- g) Sân trường rộng thế nào ? Để làm gì ?

**KẾT-LUẬN :** a) Yêu mến nhà trường vì sao ?  
b) Coi nhà trường như gia-đình thân-mén.

### BÀI LÀM

Em đang theo học trường tiểu-học Ngã-Sáu. Trường em ở ngay đại-lộ Nguyễn-tri-Phượng.

Cổng trường có bức tường thấp mới xây quét vôi vàng nhạt. Giữa bức tường ấy có cái cổng rộng đến bốn thước tây. Cánh cửa bằng gỗ sơn màu xanh lá cây. Trên có cái biển to bằng kẽm sơn màu xanh lơ, kẻ năm chữ thật to « Trường Tiểu-học Ngã-Sáu ».

Trường em là hai dãy nhà một tầng, chạy dài song-song đối diện nhau. Mái ngói đã phủ rêu xanh mốc-meo, loang-lổ. Nền lót xi-măng chỉ cao hơn mặt sân độ ba mươi phân.

Trường em có đến gần hai chục phòng học. Từ sáu giờ sáng đến sáu giờ chiều, mỗi phòng là ba lớp thay đổi nhau vào học. Lớp học nào cũng sáng-sủa vì có hai cửa sổ rộng-rãi và hai cửa ra vào. Trong lớp trang-hoàng bằng nhiều tranh tô màu rất đẹp.

Trước lớp học là hiên rộng tới hai thước để học-trò xếp hàng và trú nắng, trú mưa.

Giữa hai dãy phòng học là cái sân, dài đến năm mươi thước, rộng đến hai mươi thước. Gần mái hiên có hai hàng cây mới trồng. Giữa sân trường dựng một cột cờ cao đến



mười thước. Từ sáng đến chiều là quốc-kỳ bay phất-phới. Trong sân trường, giờ ra chơi, đông hàng sáu bảy trăm học sinh. Chúng em chơi đùa, đi lại, tiếng cười, tiếng nói, tiếng giầy, tiếng guốc, ồn-ào chẳng khác gì cái chợ.

Đến trường học em thấy vui sướng lắm. Đã được vui chơi với bạn lại được mở rộng trí khôn. Bởi vậy, em coi nhà trường cũng như gia-dinh thân-mến của em.



**BÀI 8**

**Tả nhà cha mẹ em ở**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Nhà cha mẹ em ở đâu ? (Ở phố hay nhà quê ? Gần nơi công-cộng nào ?).

**THÂN BÀI :**

- a) Nhà dài, rộng bao nhiêu ?
- b) Mái bằng gì ? Cũ hay mới ?
- c) Tường bằng gì ? Quét vôi sắc gì ?
- d) Nhiều hay ít cửa ?
- e) Nền bằng gì ? Màu gì ?
- g) Trần thế nào ?
- h) Nhà có mấy ngăn ? Mỗi ngăn có những đồ dùng gì ?
- i) Bếp — Buồng tắm.
- k) Vườn.

**KẾT-LUẬN :** Tại sao em mến nhà cha mẹ em ? (Vui-vẻ, yên-ôn)

**BÀI LÀM**

Nhà em ở ngay trên đại lộ Nguyễn-tri-Phương, gần trường Tiểu-học Ngã-Sáu.

Nhà em dài độ hai chục thước, rộng bốn thước. Mái lợp ngói xi-măng. Tường bằng gạch cao độ năm thước. Phía trên quét vôi xanh nhạt, chân tường quét vôi nâu sẫm. Một cửa ra vào và sáu cửa sổ đều có cửa chớp sơn xanh lá cây. Nền lót gạch hoa xanh đỏ. Nhà có một tầng nhưng trần xây nên cũng đỡ nóng. Nhà em chia làm ba ngăn. Ngăn ngoài cùng là phòng khách. Phòng khách bày một bộ bàn ghế bằng gỗ

gỗ đánh xi bóng loáng. Giáp tường kê một cái tủ sách và một chiếc tủ nhỏ đựng cốc chén. Trên tường treo một tấm lịch và mấy bức tranh sơn thủy. Kế phòng khách là phòng ngủ kê vài cái giường và một cái tủ áo. Kế phòng ngủ là buồng ăn, bày một bộ bàn ghế và một cái tủ đựng bát đĩa. Qua cái sân hẹp là nhà bếp và buồng tắm. Chung-quanh nhà trồng mấy cây ăn quả như đu đủ, vú sữa. Thêm thêm mấy khóm hoa huệ, hoa cúc để thưởng-thức trong những đêm trăng.

Em quý nhà cha mẹ em lắm, vì ở đây gia-dinh em sớm tối sum-họp. Không kể giàu hay nghèo, cảnh gia-dinh sum họp là cảnh vui nhất cho mọi hạng người.



**BÀI 9**

**Tả buồng khách của nhà em**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Trong nhà em buồng khách ở chỗ nào ?

**THÂN BÀI :**

- a) Buồng ấy chiếm độ phần mấy của căn nhà ? Dài rộng bao nhiêu ?
- b) Trần bằng gì ? Tường bằng gì ? Nền thế nào ?
- c) Buồng có sáng-sủa không ?
- d) Giữa buồng bày những gì ?
- e) Trên tường có trang-hoàng gì ?
- g) Cha mẹ em tiếp khách vui-vẻ thế nào ?

**KẾT-LUẬN :** Em thường dọn-dẹp buồng khách thế nào ?

**BÀI LÀM**

Nhà em ở trên đại-lộ Nguyễn-tri-Phương. Ngăn nhà gần ngay lề đường là phòng khách.

Phòng đó chiếm độ một phần tư cả nhà em, dài độ năm thước, rộng độ bốn thước. Trần bằng xi-măng, tường bằng gạch, quét vôi xanh nhạt. Chân tường quét vôi nâu sẫm. Nền nhà lót gạch hoa xanh đỏ bóng loáng. Mặt trước có một cửa ra vào. Hai bên có hai cửa sổ trông ra vườn.

Ngay giữa phòng là chiếc bàn tròn thấp. Mặt bàn đặt một lọ hoa tươi mát. Chung-quanh bàn kê bốn chiếc ghế da.

Sát tường kê một chiếc tủ kính thấp để đựng cốc chén, bên cạnh có một cái tủ nhỏ đựng sách báo. Trên tường treo bốn bức tranh sơn thủy lồng trong khung kính. Phía trên tủ sách treo một cái đồng-hồ quả lắc và một tấm lịch.

Trong căn phòng nhỏ hẹp ấy, cha mẹ em tiếp khách. Đôi khi có một vài ông bạn già của cha em đến chơi. Các cụ ngồi nói chuyện suông với nhau suốt một hai giờ đồng-hồ. Cũng ở phòng ấy, tối đến chúng em học bài dưới ngọn đèn ông sáng xanh.

Mỗi buổi sáng, mấy chị em thay phiên nhau lau bàn ghế, lau nền nhà cho sạch-sẽ.



### BÀI 10 Tả bàn thờ của nhà em

#### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Bàn thờ của nhà em đặt ở đâu ?

**THÂN BÀI :**

- a) Bàn thờ bằng gỗ gì ? Sơn màu gì ? Dài, rộng, cao độ bao nhiêu ?
- b) Trên bàn thờ bày những gì ? Tả cái khung ảnh.
- c) Các đồ thờ có những gì ? (Đồ bằng gỗ — Đồ bằng sứ).
- d) Gặp ngày giỗ tết, trên bàn thờ đèn nến thế nào ? Lễ vật có những gì ?

**KẾT-LUẬN :** a) Đối với bàn thờ cha mẹ em tỏ ý thế nào ?  
b) Trông lên bàn thờ em có cảm-tưởng gì ? Tại sao ?

#### BÀI LÀM

Bàn thờ tổ tiên của nhà em lập ở phòng khách. Vì nhà cửa chật hẹp nên bàn thờ cũng thu nhỏ lại nhiều lắm.

Đó là hai mảnh gỗ ghép lại thành tấm ván hình chữ nhật, dài độ hai thước, rộng độ bảy mươi phân. Dưới tấm ván ấy có ba cái chân gỗ đóng chặt vào tường. Cái bàn thờ được sơn màu gụ.

Giữa bàn thờ, sát tường đặt cái khung ảnh có chân-dung ông nội em. Cái khung ảnh ấy được phủ bằng cái khăn lụa màu hồng. Hai bên khung ảnh bày hai lọ hoa bằng thủy-tinh.

Trước bức ảnh là cái bát hương bằng sứ vẽ hình hai con rồng châu mặt trắng. Ngoài cùng là bộ tam-sự bằng đồng chạm trổ tỉ-mỉ. Hai bên bàn thờ, một đôi câu đối chữ nhỏ viết vào giấy đỏ, mua trong dịp tết Nguyên-đán âm-lịch. Những ngày giỗ tết, trên bàn thờ đèn nến đốt sáng trưng, khói hương bay nghi-ngút. Mùi hương, mùi hoa thơm ngát.

Đối với bàn thờ tổ-tiên, cha mẹ em tỏ vẻ kính-cần lắm: Trong những ngày cúng lễ, nhìn lên bàn thờ em lại nhớ đến câu : « Con người có tổ có tông, như cây có gốc như sông có nguồn ».



### BÀI 11 Tả cái đồng-hồ đeo tay của anh em

#### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Nhân dịp nào anh em có cái đồng-hồ đeo tay ? Mua đã lâu chưa ? Hiệu gì ?

**THÂN BÀI :**

- a) Cái đồng-hồ hình gì ? To bằng cái gì ? Dây hay mỏng ?
- b) Vỏ đồng-hồ bằng gì, sắc gì ? Nhấn hay rập ?
- c) Mặt kính thế nào ? Mặt đồng-hồ sắc gì ? Chữ số thế nào ?
- d) Có mấy cái kim ? Sắc gì ? Khác nhau thế nào ? Công-dụng thế nào ? Ghé tai vào đồng-hồ nghe thấy gì ?
- e) Dây đồng-hồ thế nào ? Bằng gì ? Dây dính vào đồng-hồ bởi đâu ?
- g) Lên dây đồng-hồ em làm thế nào ?
- h) Mở vỏ ra thấy gì ? Máy bằng gì ? Bánh xe có gì ? Nhỏ hay to ? Đặc-biệt là cái dây-coi thế nào ?

**KẾT-LUẬN :** a) Anh em giữ-gìn cái đồng-hồ thế nào ?  
b) Cái đồng-hồ ích-lợi gì cho anh em ?

#### BÀI LÀM

Anh em mới trúng tuyển vào Đệ-thất trường trung-học Chu-văn-An. Ba em thưởng cho anh em một chiếc đồng-hồ đeo tay hiệu « Coupur ».

Chiếc đồng-hồ ấy nhỏ bằng đồng hai hào và dày hơn một chút. Vỏ đồng-hồ bằng thép mạ kền bóng loáng. Dưới mặt kính trong suốt là mặt đồng hồ trắng tinh. Trên đó nổi bật lên mười hai chữ số bằng đồng có điểm dạ-quang xanh nhạt. Hai chiếc kim nhỏ xiu cũng sơn dạ-quang, chiếc dài chỉ phút, chiếc ngắn chỉ giờ. Chiếc kim thứ ba chỉ giây màu đỏ. Cái kim đỏ chuyển đi một gạch li-ti thì tiếng « tách-lách » lại gõ nhịp theo.

Cái dây ni-lông đen láy buộc chặt vào đồng-hồ. Đầu đồng-hồ có cái núm nhỏ ram-ráp để lên giây. Sáng nào, đúng sau giờ, anh em lại vặn cái núm ấy cho máy chạy đều. Mở vỏ đồng-hồ ra xem. Cả một bộ máy bằng thép trắng tinh. Những cái bánh xe mỏng dính ăn khớp với cái dây-cốt nhỏ bằng sợi tóc.

Anh em giữ-gìn cái đồng-hồ ấy cẩn-thận lắm. Vừa về đến nhà là anh treo đồng-hồ lên cái đinh đóng ở đầu cột nhà. Ngày nào anh cũng lấy miếng vải mỏng lau đồng-hồ cho sạch bụi.

Đã có cái đồng-hồ trong tay, ở lớp học cũng như ở nhà, anh em làm bài, học bài được đúng giờ.



**BÀI 12**

**Tả cái xe đạp của anh em**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Nhân dịp nào anh em đã mua được cái xe đạp ? Hiệu gì ? Giá bao nhiêu ?

**THÂN BÀI :**

- a) Khung xe bằng gì ? Sơn màu gì ? Mới hay cũ ?
- b) Tay lái bằng gì ? Màu gì ? Hình thế nào ?
- c) Dây phanh thế nào ? Dính liền vào đâu ? Khi dừng xe thì dây phanh thế nào ?
- d) Yên xe bằng gì ? Tại sao phải có lò-xo ?
- e) Hai bánh xe hình gì ? Đũa thế nào ? Vỏ bằng gì ? Sắc gì ? Ruột sắc gì ?
- g) Bàn đạp, đĩa, dây xích dính với nhau thế nào ?
- h) Cái chắn bùn thế nào ?

- i) Cái đèn hàng thế nào ?
- k) Ngồi lên yên xe, hai tay làm gì ? Hai chân làm gì ? Bánh xe chuyển thế nào ?
- l) Khi nào bấm chuông ? Tiếng chuông thế nào ?
- m) Ích-lợi của cái xe đạp dừng được bao lâu ?

**KẾT-LUẬN :** Anh em giữ-gìn cái xe đạp thế nào ? (Lau chùi — Sửa chữa).

**BÀI LÀM**

Vì nhà ở xa trường nên cha em đã mua cho anh em một chiếc xe đạp. Đó là một chiếc xe nội-hóa, hiệu « Parker » giá hai ngàn đồng.

Khung xe bằng sắt, sơn màu xanh sẫm. Phía trên khung là chiếc tay lái bằng nhôm trắng sáng loáng, hình chữ U in. Dưới tay lái là cái dây phanh bằng thép quấn nhựa xanh, nối liền với vành xe. Giữa khung xe là yên xe bằng cao-su, dưới có lò-so ngồi êm lắm. Hai bánh cao-su dỏ ăn khớp vào đôi vành bằng nhôm sáng óng ánh. Những chiếc đũa còn mới tinh xòe ra như hình nan quạt. Hai bánh xe được che bằng hai cái chắn bùn bằng nhôm, cong như cái măng nước. Trên hai cái chắn bùn, phía trước và phía sau cắm hai cái đèn bóng bằng kính dỏ. Ban đêm xe chuyển bánh, ánh đèn dỏ lóe lên làm hiệu cho khách đi đường.

Đất xe ra khỏi nhà, anh em sẽ ngồi lên yên xe, hai tay giữ lái, hai chân đạp vào bàn đạp. Dây xích chuyển động và kéo bánh sau. Cứ thế chiếc xe tiến đều đều. Mỗi khi muốn xuống, hai tay anh sẽ bóp vào phanh, chiếc xe dừng lại. Gặp chỗ đông người, anh bấm chuông « keng keng » báo hiệu.

Từ ngày có xe đạp, anh em đi học đúng giờ mà không vội-vã. Đi xe đạp lại ung-dung, êm-ả, không sợ nguy-hiểm như xe gầu máy.

Anh em giữ cái xe đạp rất cẩn-thận. Chủ-nhật nào anh cũng lau xe cho sạch-sẽ. Bơi vậy, đúng đã nửa năm rồi mà cái xe đạp của anh vẫn còn mới tinh.



**BÀI 13**

### Tả cái tủ quần áo của nhà em

#### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Cái tủ áo của nhà em kê ở đâu? Cũ hay mới?

**THÂN BÀI :**

- a) Tủ bằng gỗ gì? Đánh màu gì?
- b) Tủ có mấy buồng? Hai buồng có cao đều nhau không? Cao, rộng, sâu độ bao nhiêu?
- c) Có mấy cánh? Hai cánh khác nhau thế nào? Có gì đẹp?
- d) Có mấy khóa? Khóa thế nào? Núm bằng gì? Màu gì? Núm để làm gì?
- e) Mỗi buồng có mấy ngăn? Khác nhau thế nào? Mỗi buồng đựng gì?
- g) Ngăn kéo thế nào? Đựng gì?
- h) Chân tủ thế nào? Tại sao phải chắc-chắn?
- i) Trên nóc tủ bày cái gì? Bền cao? Bền thấp?
- k) Khi mở tủ phải làm thế nào? Tại sao?

**KẾT-LUẬN :** Mẹ em giữ-gìn cái tủ thế nào? Tại sao?

#### BÀI LÀM

Cái tủ đựng quần áo của nhà em kê ở buồng ngủ, sát vào tường.

Tủ bằng gỗ gõ, sơn màu nâu sẫm. Tủ có hai buồng. Buồng bên phải cao độ hai thước, rộng độ sáu mươi phân, sâu độ năm mươi phân. Buồng bên trái thấp hơn đến bốn chục phân. Thay vào chỗ thấp ấy, là một mảnh gỗ mỏng hình cánh cung. Trên mảnh gỗ ấy, đặt một cái máy truyền-thanh nho-nhỏ vừa gọn. Hai cánh tủ là phần mỹ-thuật nhất. Cánh bên trái là tấm kính to sáng quắc, lồng vào khung cửa. Cánh bên phải ngắn hơn, khum-khum mai luyện, nhẵn thín, bóng như gương, vân gỗ nổi bật lên. Mỗi cánh tủ có một cái khóa bằng đồng đóng chìm vào gỗ. Trên cái khóa có cái núm bằng đồng mạ kền bóng loáng, dễ mở tủ được dễ-dàng.

Buồng bên phải treo áo dài và quần áo tây của cha em. Buồng bên trái có năm ngăn nhỏ. Mỗi ngăn dành cho một

người đựng quần áo cộc. Phía dưới buồng bên trái có một ngăn kéo đựng đồ lật-vật: thước đánh giày, bàn chải quần áo, v.v...

Chân tủ cao độ ba mươi phân, giống hình cái tam sơn, vừa đẹp mắt vừa vững chắc.

Mẹ em quý cái tủ áo lắm. Sáng nào người cũng lau tủ bằng mảnh vải cũ mềm. Cánh cửa tủ được mở, đóng nhẹ-nhàng cho khỏi gãy mộng. Bởi vậy, cái tủ dùng đã năm sáu năm rồi mà vẫn đẹp như mới. Có cái tủ ấy mà mấy chục cái áo quần được xếp đặt gọn-gàng và kín-dáo, khỏi bị chuột, gián cắn hại.

Em quý cái cặp sách bao nhiêu thì mẹ em quý cái tủ áo bấy nhiêu.

\*

**BÀI 14**

### Tả cái bút máy

#### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Nhân dịp nào em có cái bút máy? Ai cho em?

**THÂN BÀI :**

- a) Cái bút máy bằng gì? Dài độ mấy phân? Màu gì?
- b) Các bộ-phận: Quấn — Ruột — Ngòi — Nắp.
- c) Lúc lấy mực.
- d) Lúc viết.
- e) Tiện-lợi.
- g) Giữ-gìn.

**KẾT-LUẬN :** Em thích cái bút máy.

Đẹp và tiện.

Giữ lâu để làm kỷ-niệm.

#### BÀI LÀM

Nhân dịp tết Nguyên-đán ta, bác em ở Huế về chơi với cha em. Bác em cho em một cái bút máy.

Tay cầm cái bút máy, lòng em sướng quá như run lên vì cảm động. Mắt nhìn chòng-chọc. Trước mặt em, lúc đó, thật không có gì đẹp hơn cái bút máy. Thân quần bút bằng nhựa màu xanh biếc bóng loáng. Quấn dài chừng mười lăm phân. Ngay giữa hiện lên rõ-ràng chữ « Pilot » vừa gọn vừa đẹp.

Em sẽ vận, quần bút rời ra làm hai phần : thân bút và nắp bút. Thân bút có hai đầu. Một đầu có cái cổ ngắn ngắn nối liền với cái ống cao-su nhỏ và đen để chứa mực. Đầu kia có ngòi bút mạ vàng bóng óng-ánh, gắn liền với lưỡi gà có khía nhỏ để mực chảy ra đều-đều. Viết xong, em cắm ngòi bút vào cái nắp bằng đồng mạ vàng. Trên nắp có cái cặp để gài bút vào miệng túi. Lúc hết mực, em chỉ việc cuộn tròn ống cao-su rồi cắm ngòi vào lọ mực, buông tay ra là mực vào đầy ống.

Khi viết, ngòi bút đưa lia-lịa trên mặt giấy nhẵn. Mỗi ống mực viết hàng tuần mới hết, thành thử có cái bút máy vừa khỏi phí thì giờ lấy mực, vừa tránh được cả mực làm bẩn vào quần áo.

Cái bút máy thật là vật báu của em. Em lau-chùi luôn cho nó đẹp-đẽ. Em giữ sao cho nó khỏi bị rơi xuống đất. Viết xong, em để cái bút máy vào hộp thuốc « Craven A » bỏ luôn trong cặp.

Em cố giữ cái bút máy để dùng được hai ba năm như lời em đã hứa trước với bác em.



**BÀI 15**

**Tả cái quạt máy**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Cái quạt máy của nhà em mua từ bao giờ ? Giá bao nhiêu ?

**THÂN BÀI :**

- a) Cái quạt máy bằng gì ? Hiệu gì ? Màu gì ?
- b) Các bộ-phận : Cánh quạt — Hộp đựng máy — Chân quạt ?
- c) Mở hay đóng quạt ?
- d) Ích-lợi ?
- e) Giữ-gìn ?

**KẾT-LUẬN :** Trời nóng-nực cần phải có cái quạt máy mới chịu nổi ?

**BÀI LÀM**

Nhà em ở vừa hẹp lại vừa đông người, nên mỗi buổi trưa cả nhà đều thấy bức-bối khó chịu lắm. Bởi vậy sáng qua cha em đã mua một chiếc quạt máy với giá hai ngàn đồng.

Cái quạt bằng sắt, cao độ năm mươi phân, sơn màu xanh lơ, trông thật dịu mắt. Ba cánh quạt bằng sắt mạ kền bóng

loáng lấp chệnh-chếch trước một cái hộp máy. Cánh quạt đóng trong cái khung làm bằng que sắt uốn tròn. Cái khung lại bọc lưới sắt giữ cho cánh quạt khỏi bị chạm vào vật khác. Giữa trục cánh quạt nổi bật lên chữ « Lux », tên hiệu quạt. Trục cánh quạt nổi liền vào đầu máy. Đầu máy tròn giống như nửa quả dưa hấu nhỏ, nổi liền vào thân quạt. Thân quạt cong cong dính liền vào cái đế hình bầu dục, khom-khom như mai rùa. Đế quạt có cái khung đẩy qua đẩy lại để mở quạt. Quạt không mở, cái khuy ở số không. Em sẽ nhích lên số một là ba cánh quạt quay tít. Em sẽ vận cái nút ở đầu máy quạt quay được ba mặt.

Lúc giữa trưa, trời nóng như đốt, cánh quạt quay tít, gió thổi vù-vù, cả nhà ăn cơm cũng thấy ngon thêm. Sau bữa cơm trưa, mọi người nằm gần cái quạt đều ngủ được một giấc ngon lành.

Cái quạt máy ích-lợi như thế nên ngày nào em cũng lau chùi để cái quạt vừa sạch vừa bền. Cách một vài tháng em lại cho một tý dầu vào hộp máy để cánh quạt chạy êm. Cha em nói : « Ở nhà chật hẹp thế này mà không có cái quạt máy thì ăn không ngon, ngủ không yên ».



**BÀI 16**

**Tả cái máy truyền-thanh**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Cái máy truyền-thanh của nhà em đặt ở đâu ?

**THÂN BÀI :**

- a) Cái máy truyền-thanh hình gì ? Dài, rộng, cao bao nhiêu ?
- b) Vỏ máy bằng gì ? Màu gì ?
- c) Mặt trước có những gì ?
- d) Lúc mở máy trông thấy gì ? Nghe thấy gì ?
- e) Nhà em hay mở máy vào lúc nào ? Người lớn ưa nghe gì ? Trẻ nhỏ ưa nghe gì ?
- g) Giữ gìn.

**KẾT-LUẬN :** Có cái máy truyền-thanh cả nhà đều được giải-trí.

**BÀI LÀM**

Trên nóc tủ chè đặt tại phòng khách, cha em để một chiếc máy truyền-thanh.

Đó là một cái hộp, dài độ bốn mươi phân, rộng độ hai mươi phân, cao độ hai mươi lăm phân.

Vỏ bằng nhựa, nhãn bóng, màu nâu sẫm. Mặt trước máy là miếng nhựa mỏng và trắng che bởi một mảnh vải xanh, đỏ sặc-sỡ. Ngay giữa mảnh vải nổi lên chữ « Philip » bằng đồng bóng loáng. Phía dưới miếng vải là mặt kính hình chữ nhật, có ghi những số chỉ các dải. Dưới cũng có hai cái cúc nhựa màu trắng, xê đi nhích lại được.

Đến giờ ca-nhạc, em sẽ vặn chiếc cúc bên trái, nghe đến « tách » một tiếng. Vài phút sau, ánh sáng đèn xanh lóe lên. Em sẽ vặn chiếc cúc bên phải, xoay nhẹ nhẹ cho chiếc kim chỉ đúng dải. Một giọng ca du-dương nổi lên, khi bổng khi trầm. Mỗi buổi tối hoặc ngày chủ-nhật, em mở máy nghe. Khi mở đài « Sài-gòn », khi mở đài « quân đội ». Cha mẹ em thích nghe phần bình-luận thời-sự và ca-nhạc cổ điển. Đôi khi, cha em ngâm-ngã ngâm lại bài thơ ở mục « Tao-dàn ». Trông người có vẻ vui-sướng lắm, trông chừng như người đã thông-cảm với tâm-hồn của các cụ thi-sĩ đời xưa. Chúng em lại thích những ca-nhạc mới hoặc ca-nhạc ngoại-quốc. Em bé em lên năm tuổi bắt chước ca một vài câu trong ban nhạc « Quốc-Thắng ». Nó lại múa tay rún mình làm điệu, khiến cho cả nhà vui cười.

Cha em và anh em giữ-gìn cái máy truyền-thanh đó rất cẩn-thận. Thỉnh-thoảng anh em lấy miếng giẻ mềm lau máy cho sạch bụi. Lau rồi lại phủ lên máy một cái khăn bằng ni-lông màu xanh, đỏ. Hôm nào có cơn dông, cha em không cho mở máy phát-thanh, sợ nó cháy đèn.

Có cái máy truyền-thanh để cả gia-dình được giải-trí, vừa đỡ tốn tiền vừa khỏi phí thì giờ đi lại.



**BÀI 17**

**Tả cái máy khâu**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Mẹ em mua cái máy khâu đã bao lâu ? Giá bao nhiêu ?

**THÂN BÀI :**

- a) Cái máy khâu hiệu gì ? Sơn màu gì ?
- b) Các bộ-phận : Mặt bàn máy — Ngăn kéo — Chân thùng đựng đầu máy — Đầu máy — Dây da — Bàn đạp.

- c) Lúc may quần-áo : Chân đạp vào bàn máy, máy chuyển, tiếng động.
- d) Ích-lợi.
- e) Giữ-gìn.

**KẾT-LUẬN :** Mẹ em quý cái máy khâu. Tại sao ?

**BÀI LÀM**

Đã bao lâu đành-dạm, đầu tháng vừa rồi, mẹ em mới mua nổi một chiếc máy khâu. Đó là chiếc máy khâu hiệu « Sinco », giá ba ngàn sáu trăm đồng.

Mặt bàn máy hình chữ nhật, dài độ chín mươi phân, rộng độ bốn mươi phân. Mặt bàn bằng gỗ đàn nhãn lý, sơn màu nâu sẫm bóng loáng. Ván gỗ nổi lên rất đẹp. Mẹ em mở nắp thùng đựng đầu máy như mở nắp hộp. Mẹ em thò tay vào thùng nâng chiếc đầu máy lên mặt bàn. Đầu máy bằng thép sơn đen. Đầu máy có hai phần. Phần trên to bằng cái bắp chân người lớn, hình tròn và cong cong, có những cái móc để luồn kim, chỉ. Phần dưới gồm nhiều thoi sắt nhỏ dính vào nhau bởi những cái đinh ốc. Hai đầu bàn máy có hai cái chân cao độ sáu mươi phân. Liên với chân máy có một bánh xe lớn nối liền với trục máy bằng một sợi dây da tròn. Bánh xe ấy lại nối liền với bàn đạp bằng một thanh sắt tròn nhỏ bằng cái dũa.

Lúc may vá, mẹ em ngồi trên chiếc ghế dẫu, luồn mảnh vải dưới mũi kim. Hai chân người nhẹ-nhàng dẫm xuống bàn đạp. Bánh xe quay làm trục máy quay theo. Tiếng máy kêu « sè-sè » đều đều ăp-nhịp theo chiếc kim lên xuống. Mảnh vải xê-dịch trên mặt bàn máy, tay mẹ em dìm dần mảnh vải theo như ý muốn. Mẹ em vừa làm vừa trông nồi nước sôi trong bếp, thế mà chỉ vài giờ sau đã may xong chiếc áo sơ-mi của em.

Có máy khâu đó, quần áo lót và áo cộc của cả nhà đều do mẹ em may hết. Một năm cũng đỡ tốn nhiều tiền công. Bởi vậy mẹ em giữ-gìn cái máy khâu rất cẩn-thận. Ngày nào mẹ em cũng lấy khăn lau máy khâu cho khỏi bụi bẩn. Cách vài tuần lễ người lại cho dầu mỡ vào máy để khỏi rỉ.

Thật mẹ em quý cái máy khâu chả khác gì cha em quý cái máy truyền-thanh.



# TẢ CÂY CỎ

## DÀN BÀI CHUNG

**MỞ BÀI :** Cây trồng ở đâu ? Trồng đã lâu hay mới trồng ? Ai trồng ?

**THÂN BÀI :**

- Tả toàn-thể (thuộc về loại cây to).
- Các bộ-phận : — Thân cây (cao bao nhiêu ? to hay nhỏ — đứng thẳng hay dày leo).  
— Lá (hình — lá già, lá non — to hay nhỏ — nhiều hay ít — sắc)
- Nụ, hoa (hình-thể — sắc — hương) Nếu là cây hoa thì hoa phải tả tỉ-mỉ hơn cây ăn quả.
- Quả (hình-thể — sắc — hương — vị) Nếu là cây ăn quả thì tả tỉ-mỉ quả.
- Ích-lợi : Tùy theo, cây hoa thì nhấn mạnh vào hoa, cây ăn quả thì nhấn mạnh vào quả. Thêm vào ích-lợi của thân cây, lá.
- Sự chăm-nom của người nhà em đối với cây.

**KẾT-LUẬN :** Cảm-tình của em đối với cây.  
Cảm-tình đối với người trồng.



### BÀI 18

## Tả cây cam ở vườn nhà em

### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Em trồng cây cam ở đâu ?

**THÂN BÀI :**

- Thân cây cao độ mấy thước ? Thân cây thẳng hay eo ? Vỏ cây thế nào ? Sắc gì ?
- Có mấy cành to ? (Có nhiều nhánh, nhiều lá không ?) Lá hình gì ? Sắc gì ? (lá già, lá non).

- Vào tháng nào nó ra hoa ? Hoa thế nào ? (to hay nhỏ ?) Có mấy cánh ? Sắc gì ? Nhị sắc gì ? Mùi hoa thơm thế nào ? Mùa hoa, bướm bay lượn thế nào ?
- Quả chín to bằng nào ? Vỏ sắc gì ? Mùi thơm thế nào ?
- Quả cam chín vị thế nào ? Mùi thơm ra sao ? Lúc nào ăn cam thấy thú-vị ?
- Quả cam thường dùng vào dịp nào ?
- Trồng cam có lợi gì ?

**KẾT-LUẬN :** a) Tại sao người ta thích trồng cam ?

b) Người ta chăm-nom cây cam thế nào ?

## BÀI LÀM

Ai vào chơi vườn cây nhà em cũng phải tấm-tắc khen cây cam chanh, quả to và sai chiu-chít. Cây cam ấy chính tay cha em trồng đã sáu bảy năm nay.

Thân cây cao độ bốn thước, to bằng bắp chân người lớn. Thân cây không thẳng mấy, có lẽ vì nó nhiều cành quá. Vỏ cây nhẵn-nhẵn, chỗ thì xanh sẫm, chỗ thì xám-xám. Có ba cành to xòa ra mang không biết bao nhiêu nhánh nhỏ. Lá to và dày, rậm um-tùm.

Vào khoảng cuối tháng tư sang đầu tháng năm âm-lịch, trên cành lá xanh um trở ra vô số những chùm hoa mọc dính sát nhau. Hoa cam nhỏ có năm cánh, màu trắng như bông, ấp lầy những cái nhị nhỏ như sợi tóc, màu vàng nhạt. Cành hoa rung động theo chiều gió, hương thơm phưng-phực.

Vào khoảng đầu tháng chạp ta, quả cam đã chín dần dần. Cành nào cũng nặng trĩu những quả to bằng nắm tay đứa trẻ lên ba. Quả cam chín vỏ vàng vàng, mùi thơm thoang thoang. Bỏ quả cam chín, múi vàng mọng nước, vị ngọt như đường, ăn vừa ngọt, vừa thơm, vừa mát.

Sau bữa cơm, tráng miệng bằng mấy múi cam chanh, thật là thú vị. Trời nóng nực, đi đâu về, uống cốc nước cam tươi, tưởng chừng như tỉnh người ra, dễ chịu lắm. Người ốm nặng, thỉnh-thoảng hít một chút nước cam tươi cũng đỡ mệt

Cùng lễ tổ-tiên hoặc biếu bà con, không gì quý bằng cam. Gần tết Nguyên-đán âm-lich, cha em đề dành hẳn cây cam ấy để dùng quả. Thế mà mỗi năm bán vườn cam chín cũng được vài ngàn đồng.

Bởi vậy cha em chăm-chú vườn cam lắm. Cả buổi sáng, người lui-hùi ở vườn cam, hết bắt sâu, tỉa cành lại tưới cây.



**BÀI 19** **Tả cây dứa của nhà em**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Nhà em trồng dứa ở đâu ? Cây to nhất và nhiều quả nhất trồng ở đâu ?

**THÂN BÀI :**

- a) Thân cây cao độ mấy thước ? Vỏ sắc gì ? Đốt thế nào ? Gốc thế nào ?
- b) Lá mọc ở đâu ? Nhiều hay ít ? Lá già thế nào ? Sắc gì ? Lá non thế nào ? Sắc gì ?
- c) Quả mọc thế nào ? Nhiều hay ít ? Quả thế nào ? (Vỏ nhẵn — to và nặng).
- d) Quả non nước ngọt và mát.
- e) Quả già cùi dày ăn bùi, nước ngọt.
- g) Ích-lợi : Cây dứa cho ta bóng mát — Quả để ăn — Cùi già để làm kẹo, để ép dầu.

**KẾT-LUẬN :** Ở nhà quê trồng nhiều dứa vì sao ?

**BÀI LÀM**

Chung-quanh ao nhà em trồng hàng chục cây dứa. Cây trồng bên cầu ao sai quả nhất. Cây dứa ấy cao tới hơn mười thước. Thân cây không to lắm, hơi ngả xuống phía mặt ao. Từ gốc đến ngọn có đến gần một trăm đốt, đốt nọ cách đốt kia độ một tấc tây. Vỏ cây ram-ráp, chỗ thì xam-xám, chỗ thì vàng vàng. Gốc cây có mấy cái rễ to ăn trôi lên mặt đất, ngồi lâu ngày, nhân lý đi chẳng khác gì cái ghế gỗ. Những lúc lặn mặt trời hoặc những tối sáng trăng em thường ngồi đó câu cá lấy làm thích lắm.

Lá dứa mọc tua-tủa ở ngọn cây. Tàu lá dứa giống tàu lá cau, dài đến hai thước. Cuống lá cứng, cạnh lá sắc. Tàu lá dứa dai lắm, già úa vàng ra mà cũng không rụng. Chót-vót trên ngọn cây, vài tàu lá non xanh nhạt còn cuộn tròn, chọc thẳng lên trời như ngọn giáo.

Ở kẽ lá cao chót-vót, lũng-lảng những chùm dứa non. Quả dứa to bằng cái danh lịch, vỏ nhẵn thín, màu xanh biếc. Có chùm sai đến sáu bảy quả thật to, nặng trĩu xuống, mà gió lớn mấy cũng không rụng.

Bỏ quả dứa non ra, nước vừa ngọt vừa mát. Cùi non mềm như bún, giòn-ngọt, bùi-bùi, thơm-thơm. Trời nóng-bức, uống một cốc nước dứa non, thấy mát rượi, dễ chịu lắm. Bởi vậy, về mùa nóng, quả dứa non bán bao nhiêu cũng hết. Quả dứa già, nước ít mà ngọt thêm, cùi dày và bùi thêm. Cùi dứa già còn dùng làm kẹo. Dân ép bằng cùi dứa ăn béo và thơm.

Cây dứa trồng chung-quanh ao, vừa lấy bóng mát vừa giữ cho bờ ao khỏi lở. Bởi vậy tục-ngữ có câu « thiếu đất trồng dứa ».

Ở miền đồng quê, dứa trồng hàng rặng, vì trồng dứa không tốn công mấy mà hưởng lợi lâu năm.



**BÀI 20** **Tả cây mít**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Cây mít em thấy trồng ở chỗ nào ? Trồng đã lâu chưa ? Do ai trồng ?

**THÂN BÀI :**

- a) Thân cây cao độ mấy thước ? Vỏ thế nào ? Sắc gì ? Gốc thế nào ?
- b) Có mấy cành to ? Cành xòa ra thế nào ? Cành to bằng nào ? Dài độ mấy thước ?
- c) Lá nhiều hay ít ? To bằng nào ? Dày hay mỏng ? Lá già sắc gì ? Lá già thì sao ?
- d) Cây mít có hoa như cây khác không ?
- e) Quả to thế nào ? Vỏ thế nào ? Lúc chín già thì vỏ thế nào ? Sắc gì ? Mùi gì ?



g) Ích-lợi : Quả mít ăn ngon và thơm ? Quả để ăn để lễ bái.  
Hạt mít ăn bùi. Lá mít để lót sân lễ Phật, gỗ mít tốt.

**KẾT-LUẬN :** Nhà quê trồng mít nhiều. Tại sao ? (Mít sống lâu năm.  
Quả mít sai và ngon, ít tốn công.)

### BÀI LÂM

Sáng mồng một tháng sáu ta vừa rời, em theo bà em ra chùa lễ Phật. Gần cổng chùa có một cây mít cổ-thụ to lắm.

Cây mít cao đến hơn mười thước. Thân cây không thẳng mấy, vì lúc cây còn non, cành nó hay bị gãy. Cành gãy thân cây lại trồi ra một cái tật. Gốc cây to lắm, em vòng hai cánh tay ôm vừa hết. Vỏ cây sần-sùi, mốc-meo, chỗ rêu đen, chỗ xam-xám, chỗ trắng-trắng. Có ba cành to và dài, mang bao nhiêu là cành, nhánh (cành) nhỏ. Lá rậm um-tùm, xòa ra từ phía. Lá to bằng bàn tay em, dày và cứng, xanh mơn-mỏn. Lá già úa vàng. Gặp cơn gió thổi, lá mít đập vào nhau rào-rào, lá già rụng xuống, vàng loe khắp gốc cây.

Đạo ấy là mùa mít chín. Trên cành cây lủng-lẳng ba bốn chục quả, quả thì bằng cái danh tích, quả thì bằng quả bí đao. Vỏ quả dày những gai sù-sì. Quả chín vỏ căng nứt ra, màu vàng nhạt. Người ta cắt quả xuống, phơi nắng vài hôm, quả chín rừ là ăn ngon. Bỏ quả mít ra, mùi vàng ngậy, đầy nước đường thơm phức. Có quả to hở ra, bóc vỏ và sơ vứt đi, cũng còn lưng rá mùi. Mỗi múi có một hạt, hạt luộc chín ăn bùi, chúng em thích lắm.

Mít là thứ quả cây quý nhất để lễ Phật. Lá mít nhà chùa dùng in oản. Gỗ mít sắc vàng, nhẹ nhõm và bền lâu dùng để tiện đồ thờ.

Ở nhà quê, nhà nào cũng trồng mấy cây mít. Quả mít to, bỏ một quả chín, cả nhà tha-hồ ăn. Một cây mít, hết mùa quả chín, cũng bán được hơn ngàn đồng. Cây mít sống được ngót một trăm năm là thường. Đời ông trồng cây đến đời cháu còn được ăn quả.

### BÀI 21

## Tả cây bàng ở sân trường em

### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Em trông thấy cây bàng ở đâu ?

**THÂN BÀI :**

- a) Thân cây — Gốc — Vỏ — Cành — Lá — Quả.
- b) Chim đậu trên cành.
- c) Trẻ chơi dưới gốc.
- d) Lá cây có ích : để nhuộm, để thổi.

**KẾT-LUẬN :** Em quý cây bàng ấy vì sao ?

### BÀI LÂM

Gần cổng trường em, vươn lên một cây bàng cổ-thụ.

Thân cây thẳng cao tới hơn hai chục thước. Vỏ cây sần-sùi, chỗ thì mốc-meo đen xỉ, chỗ thì xam-xám, chỗ thì trắng-trắng, chỗ thì xanh-xanh. Một vài chỗ vỏ long ra, to bằng cái bàn tay, trông thô-kịch lắm. Gốc cây to lắm, em vòng cánh tay ôm, chỉ được nửa thân cây. Cách mặt đất độ tám chín thước, ba cành to xòa ra, những cành ấy cũng to bằng cây nhỏ, mang bao nhiêu là cành nhỏ, lá rậm um-tùm. Lá nó to bằng bàn tay người lớn, rộng và dày, màu xanh tươi. Cành lá xanh rờn, điểm những chùm quả chín vàng nhạt, to bằng quả trứng gà. Những quả bàng dòn-dốt, giòn-ngọt là những món ăn thú-vị của những con sáo. Chúng đến đấy tụ-hợp, vừa ăn quả chín vừa hát riu-riut. Trước ngọn gió, những lá già vàng úa rụng xuống gốc cây lộp-độp.

Dưới gốc cây, một bà già bán thuốc lá và một xe nước mía bán hàng cả ngày. Nhờ có cái bóng cây râm mát mà quán hàng thiên-nhiên của họ được đông khách ra vào. Chúng em thường tụ-hợp ở đấy nghỉ mát trước giờ vào lớp. Nhân dịp cũng mở các trò giải-trí chốc lát : đánh bi, đánh vù, nhảy dây... Một bà cụ già ở gần đấy, chiều chiều quét lá rụng về đun bếp.

Không biết cây bàng ấy trồng từ đời nào, đã bao nhiêu người được nhờ bóng mát trong những lúc nắng như lửa đốt. Có ai đã nghĩ đến ơn người trồng cây đó chưa ?

**BÀI 22**

### Tả cây chuối ở vườn nhà em

#### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Em trông thấy vườn chuối ở đâu? Chuối ấy là chuối gì?

**THÂN BÀI :**

- a) Thân cây cao độ mấy thước? Vỏ cây thế nào? Sắc gì?
- b) Lá mọc ở đâu? Nhiều hay ít? Lá to hay nhỏ? Dài rộng độ bao nhiêu? Lá già sắc gì? Tại sao lá già hay rách? Lá non mọc thế nào? Lá non sắc gì? Giống cái gì?
- c) Hoa chuối mọc ở chỗ nào? Hoa hình thế nào? Sắc gì? Trong bắp có gì? Hình gì? Sắc gì?
- d) Quả mọc thế nào? Mỗi hàng chuối có mấy bẹ? Quả chuối chín sắc thế nào? Mùi thơm thế nào? Chặt trên cây xuống độ mấy hôm thì ăn được?
- e) Chuối chín ăn có lợi gì? Khi nào thường ăn chuối? Người ta còn dùng chuối chín để làm gì?
- g) Cây chuối, lá chuối dùng làm gì?

**KẾT-LUẬN :** Nhà quê nhà nào cũng trồng chuối? Tại sao? (để trồng — nhiều quả — thường có chuối để ăn và bán được nhiều tiền)

#### BÀI LÀM

Ở nhà quê vườn nào cũng trồng nhiều chuối. Chuối có nhiều thứ lắm: chuối tây, chuối ngự, chuối tiêu, v.v... Em thích ăn chuối tiêu nhất.

Cây chuối tiêu cao độ bốn thước. Vỏ cây nhẵn mịn, chỗ thì trắng ngà-ngà, chỗ thì xanh-xanh, chỗ thì tím-tím. Trên ngọn cây có bảy tám tàu lá. Lá chuối vừa dài vừa rộng. Chính giữa tàu lá có cái cuống to và cứng. Lá chuối to và mỏng. Có cơn gió mạnh, lá chuối đập vào nhau xào-xạc nghe thật là buồn. Ngọn cây có một tàu lá non cuộn tròn, trắng nõn trông như cuốn lụa. Chuối trồng độ một năm đã có hoa. Hoa nó to bằng cái chai lít, ngoài bọc nhiều bẹ màu tím. Độ một tuần lễ, bẹ héo để lộ những quả non bé bằng ngón tay, màu xanh nhạt. Chừng một tháng sau buồng chuối lủng-lẳng ngang thân cây. Người ta ngắt cái hoa đi để những quả chuối chóng lớn. Ít lâu quả chuối già, to bằng cái chuối dao, vỏ căng

ra là sắp chín. Những quả chuối chín vỏ vàng nhạt thơm thoang-thoảng. Chuối tiêu chín đốm trắng cuống, ăn vừa ngọt, vừa thơm vừa bở. Ăn cơm xong mà tráng miệng bằng vài quả chuối tiêu chín thì thật thú-vị. Chuối là thứ quả thường dùng nhiều nhất. Quả chuối dễ cứng lẽ và dễ ăn. Chuối chín còn ướp đường làm kẹo ăn cũng tốt. Lá chuối dễ gói bánh. Thân cây và củ dễ nuôi lợn. Trồng chuối chưa đầy một năm đã được ăn quả, nên có nơi trồng hàng rừng chuối. Nhà nào trồng độ một mẫu chuối, mỗi năm cũng bán được nhiều tiền.



**BÀI 23**

### Tả cây vú sữa

#### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Em trông thấy cây vú sữa ở đâu?

**THÂN BÀI :**

- a) Thân cây — Vỏ — Cành — Lá — Hoa.
- b) Quả chín (sắc, hương, vị).
- c) Ích-lợi: Quả để ăn, bán được nhiều tiền?

**KẾT-LUẬN :** Bà em quý cây vú sữa.

Giữ-gìn thế nào?

#### BÀI LÀM

Chủ-nhật vừa qua, em theo cha mẹ em về quê thăm ông bà ngoại. Trong vườn trồng thật nhiều vú sữa. Gần cổng vườn có một cây vú sữa to, quả sai chi-chít.

Thân cây thẳng và cao tới bảy tám thước. Vỏ cây nhẵn-nhẵn, xanh nhạt và xam-xám. Có bốn cành to xòa ra tứ phía, mang vỏ sủi cành con. Lá tươi tốt um-tùm phủ đầy cành. Lá mềm-mại xanh rờn. Mặt dưới lá ram-ráp màu hung-hung đỏ.

Vào khoảng tháng tám âm-lịch hoa nở đầy cành. Cánh hoa dài, trắng như bông, nhị hoa vàng nhạt, thơm thoang-thoảng. Cuối năm âm-lịch, quả chín nặng trĩu đầy cành. Quả chín, to bằng cái bát, màu tím-tím hoặc vàng nhạt. Bỏ ra, bệt nó trắng như sữa loãng, đông như mỡ đặc, vị ngọt và mát. Các cụ già và trẻ nhỏ thích ăn vú sữa. Quả vú sữa chín thường dùng để cứng lẽ.

Đến mùa quả chín, những người buôn quả cũng đến mua. Họ nhầy xuống xếp từng đống trông thật thích mắt. Mỗi năm bà em bán vườn quả vú sữa cũng được bốn năm ngàn đồng. Năm nào, bà em cũng gửi làm quà cho chúng em đây một lán mây quả vú sữa chín, cả nhà tha-hồ ăn.

Bởi vậy, ông bà em qui vườn cây vú sữa lắm. Người giữ không cho trẻ con vào nô-nghịch trong vườn. Hễ quả sắp chín là ông em buộc vào ngay thân cây một bó cành gai già hoặc chằng dây thép gai cho trẻ con khỏi lấy quả cây.



**BÀI 24** Tả cây đào ở vườn nhà em

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Vườn nhà em có trồng một vài cây đào. Cây đào to hay bé? Trồng đã lâu chưa?

**THÂN BÀI :**

- a) Thân cây cao độ mấy thước? To hay nhỏ? Thẳng hay eo? Vỏ thế nào? Sắc gì?
- b) Nhiều cành hay ít? Cành to hay bé? Lá thế nào? (nhiều hay ít? to hay nhỏ? hình gì?).
- c) Nụ thế nào? Nhiều hay ít? Nụ giống cái gì? Hoa nở về tháng nào? To hay nhỏ? Có mấy cánh? Cánh hoa sắc gì? Nhị sắc gì?
- d) Vào tháng mấy thì quả chín? Quả chín vỏ sắc gì? Vỏ có gì? Mùi thơm thế nào? Vị thế nào?
- e) Tết Nguyên-đán người ta cắm cành hoa đào vào cái gì? Đẽ ở đâu? Cành đào to giá độ bao nhiêu tiền?

**KẾT-LUẬN :** Người ta trồng đào có lợi gì? (Đẽ làm cảnh đẹp, bán giá đắt. Quả đào thơm và ngon).

**BÀI LÀM**

Năm nào cũng vậy, cứ đến giáp tết Nguyên-đán, cha em sai em về đồng-quê, xin bác em một cành đào. Cây đào ấy trồng đã ngoài mười năm nay.

Thân cây cao độ năm thước. Vỏ cây nhẵn màu xám xanh, một vài chỗ lốm-dốm trắng. Hai cành to mọc chĩa ra hai bên mang nhiều nhánh nhỏ. Lá dài, mỏng-mảnh, mềm-mại, xanh-rờn phủ đầy cành.

Vào khoảng tháng Chạp âm-lịch, trên cành đào trở ra những chùm nụ xen lẫn với hoa. Nụ tròn như hạt ngô màu tím-tím. Hoa nở xòe ra năm cánh, màu hồng phơn-phớt trắng, ôm lấy những nhị nhỏ li-ti màu vàng nhạt, thơm thoang-thoảng. Gió thổi hiu-hiu, cành lá nhẹ-nhàng rung-động làm cho mấy cái hoa xinh-xinh tăng vẻ đẹp. Trong dịp tết Nguyên-đán những cành hoa đào được coi là cây cảnh quý giá nhất. Cành đào to và nhiều hoa có khi bán tới hai ngàn đồng. Bởi vậy đào ít khi để ăn quả chín. Quả đào chín, to bằng đầu ngón chân cái, vỏ hung-hung đỏ, ngoài bọc những cái lông nhỏ li-ti phơn-phớt trắng. Quả đào ăn ngon-ngọt, chua-chua, không ngon mấy nhưng mùi nó thơm lắm.

Bác em nói : « Trồng đào phải chăm-nom vì cây nó hay bị sâu. Nhưng tết ta mà trong nhà không có cành đào cũng chẳng khác gì thiếu bánh chưng ».



**BÀI 25** Tả một khóm huệ của nhà em

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Trước cửa nhà em có trồng một khóm huệ. Độ mấy cây? Trồng huệ để làm gì?

**HÂN BÀI :**

- a) Thân cây cao độ bao nhiêu? Thân cây to hay nhỏ? Cứng hay mềm? Đốt dài độ mấy phân?
- b) Lá mọc ở đâu? Lá già thế nào? Giống lá gì? Sắc gì? Tại sao hay bị gãy? Lá non thế nào? Sắc gì?
- c) Hoa mọc thế nào? Nụ thế nào? Hoa nở thế nào? (Nở dần dần từ dưới lên đầu cành) Hoa hình gì? Nhiều cánh, cánh nõ dề lên cánh kia. Sắc gì? Có nhị không?
- d) Hoa cất từng khóm dài độ bao nhiêu? Cắm cả nắm vào lọ thấy thế nào? Mùi thơm thế nào? Khi nào thơm nhiều?
- e) Hoa huệ dùng làm gì (Bài cảnh — cúng lễ — trong dịp tết Nguyên-đán hoa huệ được quý giá vì sao?)

**KẾT-LUẬN :** Người ta trồng huệ làm gì? Người ta trồng huệ để làm gì?

### BÀI LÀM

Trong cái vườn nhỏ hẹp ở trước cửa nhà em, ông em trồng một khóm huệ.

Cây huệ cao độ bảy tám mươi phân. Thân nó nhỏ bằng cái quần bút, có nhiều đốt, mỗi đốt cách nhau độ bốn năm phân. Những cái lá dài và nhọn bọc lấy thân cây. Lá huệ trông giống như lá lúa nhưng nó dài hơn và xanh hơn.

Huệ có hoa quanh năm. Giữa những cái lá xanh biếc, trời lên một giò hoa dài độ ba bốn chục phân. Những cái nụ mọc dày chi-chít bọc lấy giò hoa. Nụ dài độ hai phân, nhỏ bằng đầu dũa, trắng như bóng nõi.

Nụ nở dần dần từ dưới đến ngọn giò. Hoa huệ nở rồi xòe ra năm cánh kép, giữa có nhị phơn-phớt trắng. Lúc sáng sớm những con bướm cánh vàng cánh trắng, bay lướt trên khóm hoa trắng phau, se-sẻ đậu xuống, rồi nhẹ-nhẹ cất cánh bay lên.

Lúc lặn mặt trời, ông em cắt mấy giò huệ, cắm vào lọ thủy-tinh. Lọ hoa bày vào giữa bàn trong phòng khách, tỏa hương thơm phức. Lúc tối hẳn mùi hoa càng nồng. Ngay giò, ngày tết trên bàn thờ có hoa huệ được nổi bật lên.

Bởi vậy trước tết Nguyên-dán âm-lịch một hai hôm những giò hoa huệ được nhiều bà khách lựa chọn. Giá đắt gấp mười ngày thường. Những vùng ngoại-ô, người ta trồng hang mẫu huệ để bán quanh năm.



BÀI 26

### Tả một cây cúc

#### DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em trông thấy cây cúc ở đâu ? Bán về dịp nào ?

THÂN BÀI :

- a) Thân cây cao độ bao nhiêu phân ? To hay nhỏ ? Cứng hay mềm ? Vỏ màu gì ?
- b) Cành thế nào ? (nhiều hay ít ? To hay nhỏ ? cứng hay mềm).
- c) Lá mọc thế nào ? Dày hay mỏng ? Lá to hay nhỏ ? Hình gì ? Mặt phải sắc gì ? Mặt trái sắc gì ?
- d) Nụ thế nào ? Mọc thế nào ? Nhiều hay ít ? To hay nhỏ ? Giống cái gì ?

- e) Hoa thế nào ? Nhiều cánh hay ít ? To hay nhỏ ? Mọc thế nào ? Sắc gì ? Mùi thơm thế nào ?
- g) Hoa cúc thường trồng ở chậu, tại sao ?
- h) Hoa cúc thường dùng làm gì ? Về dịp nào người ta bán nhiều ?

**KẾT-LUẬN :** Tại sao người ta hay trồng hoa cúc ? (Đề chơi — Đề bán — Đề cốt rượu — Đề làm thuốc ho).

### BÀI LÀM

Cứ vào khoảng hai mươi tám hoặc hai mươi chín tháng chạp âm-lịch mẹ em lại mua hai chậu cúc về chơi Tết.

Những cây cúc trồng vào đôi chậu sành, men xanh biếc. Thân cây cao độ ba mươi phân, nhỏ bằng cái bút chì. Có vài ba nhánh nhỏ bằng cái tăm. Vỏ cây xám-xám. Mỗi cây có độ mười cái lá. Lá nhỏ to bằng bàn tay đứa trẻ lên ba, hình ngôi sao năm cạnh. Lá mỏng-manh, mặt phải xanh nhạt, mặt trái hơi phơn-phớt trắng làm cho những đường gân nổi bật lên ở dưới cuống lá trở ra những cái nụ tròn như hạt ngô, dài xanh bọc lấy cành vàng. Nụ nở tung ra, hoa to bằng đồng hai hào, tròn xoe, nhiều cánh vàng bọc lấy những nhị lẫn-lẫn vàng sẫm như nghệ. Mùi thơm phảng-phất nhẹ-nhàng. Trước ngọn gió thổi những cành lá xanh diềm hoa vàng rung-dộng.

Giáp tết Nguyên-dán ta, những chậu cúc xinh đẹp bày bán la-liệt khắp đầu chợ. Hoa cúc rẻ tiền nên nhà nào cũng mua ít là vài chục hoa để cắm vào lọ. Hoa cúc vàng tươi trồng vào chậu sành hay chậu sứ sẽ bày trước cửa nhà như đề đón xuân. Hoa cúc còn dùng để cất rượu và làm vị thuốc ho cho trẻ em.

Ở miền ngoại ô, người làm nghề bán hoa trồng cúc hàng năm bấy sào.



# TẢ ĐỘNG-VẬT

## DÀN BÀI CHUNG

**MỞ BÀI :** Trông thấy con vật ấy ở đâu ?  
Nhà em nuôi đã lâu chưa ?

### THÂN BÀI :

- a) Toàn-thể (thí-dụ : So-sánh với giống gia-cầm — So với các gia-súc — So với các giống chim nuôi chơi...)
- b) Các bộ-phần : Đầu — Mắt — Tai — Mõm hay mỏ — Minh — Lông (nói (ĩ-mĩ sắc đẹp) Đuôi — Chân.
- c) Cử-động : Dáng đi đứng (nhANH-nhẹn hay chậm-chạp).
- d) Tiếng kêu (to hay nhỏ — vui tai hay ghê sợ).
- e) Tánh-nết : Thói quen của nó (tra nằm, tra đi lại, tra leo trèo, tra lội nước...)  
Nết tốt (có nghĩa, hiền-lành, dễ dạy).  
Tinh xấu (dữ-tợn, ăn vụng, v.v...)
- g) Cách sinh-hoạt : Hay kiếm ăn ở đâu ? Hay ăn những gì ?
- h) Ích-lợi (giúp việc — để ăn thịt — da — lông).
- i) Sự chăm-nom của chủ.

**KẾT-LUẬN :** Cảm-tình của em đối với con vật — Cảm-tình của con vật đối với em.

**BÀI 27**

## Tả con mèo của nhà em

### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Nhà em có con mèo nuôi được bao lâu rồi ?

### THÂN BÀI :

- a) Hình-dạng : Minh — Đầu — Mắt — Mõm — Tai — Lông (sắc mịu) — Đuôi — Chân — Móng.
- b) Cử-động : đi, nằm, leo, trèo, tiếng kêu.

c) Tánh-nết : Len-lỏi trong xó tối — Ban đêm hay chui vào với người — Hay đùa với trẻ nhỏ — Bữa ăn lượn bên mâm cơm để đòi ăn.

**KẾT-LUẬN :** a) Tại sao cô nhà ai cũng mến nó ? (nó hay bắt chuột — hình-dáng đẹp).

b) Thường cho nó ăn gì ?

## BÀI LÀM

Đã vài tháng nay bác em mang cho nhà em một con mèo tam-thể. Em đặt tên nó là Miu.

Con Miu thật đẹp mã. Mình dài thon-thon to bằng bắp chân người lớn. Đầu nhỏ hiện rõ đôi mắt xanh óng-ánh như hai hòn bi-ve. Mõm đen lưa-thưa điểm mấy sợi ria dài và cứng. Hai tai to và mỏng vênh cao lên làm cho vẻ mặt nó càng thêm dữ-tợn. Chân dài và nhẹ-nhàng. Bộ lông tam-thể mịn-màng như nhung. Đầu và lưng đen nháy như mực tàu. Bụng và bốn chân trắng như bông nõn. Hai tai vàng chấy như nghệ. Hai bên sườn hai vệt vàng sẫm trông như cánh bướm đối nhau song-song. Chiếc đuôi trắng muốt dài lượ-thướt. Bốn bàn chân vàng sẫm như phủ kín những chiếc vuốt nhọn và sắc như dao.

Dáng đi của nó thật khoan-thai nhẹ-nhàng êm như ru. Chú Miu thường nằm vĩa hè phơi mình ra nắng, lim-dim ngủ. Thẽ mà nhảy mắt nó đã rón-rén leo lên nóc chạn. Nghe tiếng chuột kêu « chi chi ». Chú Miu đã ngoạm vào cổ con chuột, tha vào gầm giường, rồi nhảy vọt lên nóc nhà. Ban đêm nó leo trèo, luồn hết mái nhà, gầm chạn để săn chuột. Khi no rồi chú Miu chui vào chạn nằm ngủ bên người. Em bé em lên ba tuổi mến con Miu lắm. Nó ấm con Miu chơi hàng giờ y như bế con búp-bê.

Mỗi bữa ăn, con Miu đến bên mâm, húc đầu vào lưng em, kêu « meo meo ». Em nhặt vài miếng thịt bỏ vào bát cơm cho nó. Miu vừa ăn vừa gừ gừ có vẻ khoái lắm.

Cả nhà em ai cũng qui con Miu lắm. Từ ngày có nó không con chuột nào dám bén mảng đến nhà em. Ba em bảo : « Giống mèo tam-thể, tiếng nó có oai, chuột nghe thấy là sợ rồi ».

**BÀI 28**

**Tả con thỏ**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI:** Nhà chú em ở thôn-quê, nuôi ba bốn chuồng thỏ.

**THÂN BÀI:**

- a) Hình-dáng : Minh — Đầu — Tai — Mắt — Mồm — Chân — Lông.
- b) Cử-động : Dáng đi đứng, gặm nhấm.
- c) Nó ăn gì ?
- d) Ích-lợi.

**KẾT-LUẬN:** Nuôi thỏ là một mối lợi khá, vì nó đẻ nhiều.

**BÀI LÀM**

Nhà chú em ở gần núi. Chú nuôi hai đôi thỏ. Chuồng thỏ đóng bằng gỗ, chằng lưới sắt và lợp lá.

Trông con thỏ mới đáng yêu làm sao ! Minh nó bụ-bẫm, mềm-mại, to hơn con mèo một chút. Đầu nó thon-thon, to bằng vốc tay. Hai tai nó thật đặc-biệt mỏng dính và rộng luôn luôn ve-vẩy. Đôi mắt gỗ hần lên, vàng hoe, to bằng hai viên bi. Cái mũi uơn-uớt, hung-hung đỏ, luôn luôn nhấp nháy đánh hơi. Mồm nó nhỏ xíu, luôn luôn nhếch lên nhếch xuống. Mấy chiếc răng cửa nhỏ và dài chìa ra nhấp-nhấp vài ngọn lá. Chung-quanh mồm những chiếc ria dài và trắng như sợi cước rung-động ăn nhịp với hai tai. Chân sau dài gần gấp đôi chân trước. Chiếc đuôi ngắn-ngắn chỉ bằng ngón tay. Bộ lông nó mượt và trắng loát như nhung.

Thỏ ít khi nằm yên. Nó chạy tung-tăng khắp chuồng như có ý khoe cái bộ-diệu mềm-mại, mau-lẹ. Sáng ra, chú em vứt vào chuồng nó vài tàu cải hay mấy mớ rau lang. Nó chia răng nhấm rau sột-sột loàn thân rung-rung. Hai tai phe-phẩy. Bộ ria nhấp-nhảy. Chiếc đuôi ngoe-nguẩy. Trông con thỏ lúc đó thật buồn cười.

Bữa trưa hôm ấy, chú em làm thịt một đôi thỏ để tiếp gia-dình em. Thịt thỏ ăn mềm và thơm, ngon lắm.

Hằng ngày chú em vào núi kiếm lá cây về cho thỏ ăn. Thỏ đẻ nhiều nên nuôi nó lợi lắm.



**BÀI 29**

**Tả hình-dáng con bò và nói ích-lợi của nó**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI:** Em trông thấy con bò ở đâu ?

**THÂN BÀI:**

- a) Hình-dáng : Minh — Đầu — Mồm — Mắt — Tai — Sừng — Cõ — Lông — Đuôi — Chân — Móng.
- b) Cử-động : Dáng đi — Tiếng kêu.
- c) Tính-nết : Hiền-lành — Ưa cao-ráo — Nhanh-nhẹn hơn trâu.
- d) Ích-lợi : Kéo cày — Kéo xe — Thịt, da.
- e) Bò ăn những gì ?

**KẾT-LUẬN:** Nhà quê thường nuôi bò để làm ruộng — Miền đồng có nuôi bò để ăn thịt và lấy sữa.

**BÀI LÀM**

Chủ-nhật vừa qua, em được về quê thăm chú em. Nhà chú em có nuôi một con bò.

Con bò mình dài thon-thon chứ không phệ bụng như trâu. Đầu nó hình tam-giác. Trên mồm có hai lỗ mũi đen đen thỏ phi-phi. Hai con mắt lơ-dờ, to bằng hai cái bóng đèn hoa-kỳ. Hai tai to bằng bàn tay của em luôn luôn phe-phẩy. Cặp sừng cong cong, xam-xám, to bằng hai quả chuối. Cỏ nó dài, dưới lưng-lẳng một miếng da mỏng và to. Chân cao và nhỏ, móng chân cứng và đen như sừng. Lông vàng và mịn, phủ kín khắp mình. Dưới bụng lông phơn-phớt trắng. Tận cùng đuôi, một túm lông đen luôn luôn phe-phẩy, quất lên trên lưng để đuổi ruồi muỗi.

Em theo em họ em ra đồng chơi, xem nó chăn bò. Con bò lững-thững bước đi, đuôi và yếm phe-phẩy, trông có vẻ nhàn hạ lắm. Nó cúi đầu xuống, gặm đám cỏ xanh rờn, nghe tiếng soàn-soạt. Thỉnh thoảng nó ngẩng đầu cao và kêu mấy tiếng «ò ! ồ !» như có ý gọi bạn đến gần.

Nó sạch-sẽ lắm, không thích đầm xuống bùn như trâu. Nó nhanh-nhẹn nhưng không dai sức bằng trâu.

Chú em nuôi nó để cày bừa ruộng đất. Cũng có người nuôi bò để kéo xe tải đồ. Thịt bò ăn ngon và bổ. Sữa bò để nuôi trẻ con và người già, người yếu. Da bò thuộc để đóng giày, dép.

Nơi nào có đồng cỏ mà nuôi bò sữa hoặc bán ăn thịt thì lợi nhiều lắm.

Chú em nuôi bò để làm ruộng, dù nuôi cả gia-đình, nên chú em quý nó lắm, ngày nào cũng cho nó ăn cỏ, ăn rơm thật no.



**BÀI 30**

**Tả một con gà mái**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Nhà em nuôi một con gà mái đã lâu chưa ?

**THÂN BÀI :**

a) Hình-dáng : Minh — Đầu — Mào — Mắt — Mỏ — Tai — Cổ — Cánh — Lông — Chân.

b) Cử-động : Dáng đi — Không hay bay — Tiếng kêu.

c) Tính-nết : Không hay chọi nhau — Chịu khó kiếm ăn — Chăm ấp trứng — Hết lòng nuôi con.

d) Nó hay ăn gì ?

e) Ích-lợi : Để nhiều trứng, trứng rất bổ — Thịt ngon chúng được ăn thịt.

**KẾT-LUẬN :** Ở nhà quê nhà nào cũng nuôi nhiều gà tại sao ? (tóm ít công mà được nhiều lợi).

**BÀI LÀM**

Trong sân nuôi gà vịt của nhà em thì con gà mái đáng qui nhất. Con gà mái ấy nuôi được hơn một tháng nay.

Minh nó to bằng cái dảnh tích. Trên đầu nó chiếc mào đỏ chót nhỏ bằng cái bút chì. Hai mắt vàng hoe long-lánh. Đòi tai nhỏ xiu ẩn dưới những cái lông trắng và mịn. Cái mỏ ngà-ngà luôn luôn cử-động. Chiếc cổ nhỏ-nhấn cũng nhanh-nhẹn như cái mỏ. Chân thấp và nhỏ, bọc một lớp da vàng, ngón chân ngà-ngà suốt ngày lấm-láp bùn-thu.

Lông cổ mượt. Lông mình ngắn và mềm. Cánh và đuôi, lông dài và cứng. Khắp mình, lông trắng ngà-ngà điểm lẫn màu vàng đen sặc-sỡ. Bởi vậy chúng em quen gọi nó là «hoa mơ».

Suốt ngày Hoa-Mơ đi lang-thang dưới gốc cây, ở góc vườn để kiếm ăn. Nhìn thấy đồng rác, hai chân nó bới, cổ nó gục xuống, mỏ nó mổ con sâu. Bỗng con vện ở đâu xò lại, làm con Hoa-Mơ chạy tiu-tit, hai cánh đập bành-bạch, tiếng kêu «quác ! quát».

Chiều nào cũng vậy, hễ nghe tiếng Hoa-Mơ kêu «cục ta, cục tác» là em biết nó vừa nở trứng. Em không quên vốc một nắm thóc ném cho nó. Em còn đứng đẩy canh cho nó ăn khỏi bị chó đuổi.

Nuôi một đàn gà, gia-đình em thường được ăn trứng và thịt gà. Trứng gà ăn vừa ngon vừa bổ. Thịt gà ăn ngon hơn hết thịt các loài gia-súc khác.

Gà đi kiếm sâu bọ, giun để mà ăn. Mỗi buổi sáng chỉ cho chúng ăn một ít thóc lưng, không tốn bao nhiêu. Bởi vậy, ở nhà quê nhà nào cũng nuôi một đàn gà đông hàng năm bầy chực con.



**BÀI 31**

**Tả con vịt**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Em trông thấy con vịt ở đâu ?

**THÂN BÀI :**

a) Hình-dáng : Minh — Đầu — Cổ — Mắt — Mỏ — Lông — Đuôi — Chân.

b) Cử-động : Dáng đi — Tiếng kêu.

c) Cách sinh-hoạt : Hay bơi-lội dưới nước.

d) Người ta thường cho nó ăn gì ?

e) Ích-lợi : Để nhiều trứng — Để ăn thịt — Lông để bán.

**KẾT-LUẬN :** Nhà quê nuôi nhiều vịt để làm gì ? (Để ăn trứng — Để nuôi — Mối lợi cho người chăn nuôi).

BÀI LÀM

Hôm qua nhân ngày chủ-nhật, em lên chơi vườn thú. Bên bờ sông một đàn vịt, con đang bơi lội, con đứng rìa lòng.

Con vịt mình tròn-trĩnh như quả dưa hấu. Đầu to và dẹt luôn luôn cử-động trên cái cổ dài. Mỏ dẹt, to và dài, sắc vàng hoe. Hai bên mép bạnh ra trông thật là thô-kịch. Mắt tròn xoe, đen láy như hạt nhãn. Bộ lông trắng toát phủ kín cái thân nặng-nề. Lông cổ nó xam-xám và óng-ánh. Chiếc đuôi cụt lùn. Hai chân thấp màu vàng khè. Ngón chân nó dính liền vào ngón kia bằng cái màng dày đỏ chói.

Con vịt đi lạch-bạch, nghiêng bên nọ ngã bên kia, trông có vẻ nặng-nề lắm. Bỗng một đứa trẻ chạy đến gần toan bắt nó, con vịt cuống quít, hai chân tít-tít, đầu lao đi trước, hai cánh đập loạn-xa, kêu « cạc-cạc ! kẹp-kẹp » vang cả lên. Nó thích sống dưới nước hơn ở trên cạn.

Suốt ngày nó lênh-bênh trên mặt sông-ngòi như chiếc phao tàu sơn trắng. Nó tung-tăng bơi-lội trông rất dễ-dàng. Chân vịt đập xuống nước như chiếc mái chèo làm cho nó bơi nhanh như biển. Thỉnh-thoảng vịt lặn sâu xuống nước lâu đến năm sáu phút. Nó nhô lên mặt nước, đập cánh phành-phạch vài cái, lông nó lại khô như không. Bối vậy, trời mưa sấm-sét ù-ù mà nó vẫn đùa giỡn trên mặt nước như có vẻ vui-sướng lắm. Thật đúng là « ù-ù cạc-cạc như vịt nghe sấm ».

Chúng kéo cả đàn đi khắp cảnh-đồng nước. Chúng càn quét cá, tép, ốc, hến chẳng khác gì đạo quân đi dẹp giặc. Bởi vậy nuôi vịt không tốn bao nhiêu mà lợi nhiều lắm. Thịt vịt ăn ngon. Trứng vịt để ăn, để làm bánh ngọt hay ướp muối để dành.

Vịt con nuôi chóng lớn. Vịt lại đẻ trứng nhiều. Ở nhà quê, những nơi gần sông-ngòi, người ta nuôi vịt hàng đàn đông cả ngàn con.



BÀI 32

Tả con chim yến

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em có nuôi chim yến không ?

THÂN BÀI :

- a) Hình-dạng : Minh — Đầu — Mắt — Mỏ — Lông — Chân ?
- b) Người ta nuôi nó trong cái lồng (tả qua cái lồng)
- c) Cử-động : Nhảy-nhót — Tiếng hót.
- d) Người ta cho nó ăn uống thế nào ?
- e) Ích-lợi : Nuôi nó làm cảnh — Nó đẻ luôn và bán đắt tiền.

KẾT-LUẬN : Tại sao em quý con chim yến và chăm-nom` thế nào ?

BÀI LÀM

Anh em nuôi một con chim yến để làm cảnh chơi. Đôi chim ấy mua được ba tháng nay, giá năm trăm đồng.

Đôi chim giống nhau như in. Mình nó xinh-xắn, nhỏ bằng quả chuối ngự. Đầu nhỏ bằng quả nhãn. Hai mắt đen láy như hai hạt đậu. Mỏ vàng nhạt, nhỏ như hạt thóc.

Bộ lông mượt, vàng nhạt phủ kín toàn thân. Đuôi và cánh lông dài hơn, vàng sẫm. Hai chân vàng nhạt, mảnh-dẻ như đôi que tăm.

Đôi chim yến xinh-đẹp đó được nuôi trong chiếc lồng nhỏ bằng tre, sơn màu xanh biếc. Trong lồng gài hai cái chén con, một chén đựng nước, một chén đựng hạt kê.

Suốt ngày, đôi chim yến nhảy tung-tăng trong lồng, chuyền từ nan lồng nọ sang nan lồng kia. Rồi chúng đứng nghỉ trên chiếc que gài ngang qua lồng. Thỉnh-thoảng chúng chú dầ vào chén, mổ vài hạt kê, ngửa cổ nuốt vài giọt nước, trông có vẻ ung-dung lắm. Mỗi buổi sáng, đôi yến nhảy-nhót, cất tiếng hót trong-trẻo như chào đón ánh mặt trời óng-ánh trên ngọn cây xanh. Tiếng hót dịu-dàng, êm-ái nghe thật vui tai.



Anh em qui đòi chim yến đó lắm. Sáng nào anh cũng thay nước sạch và bỏ hạt kê vào chén cho chim. Thỉnh-thoảng em bỏ vào lồng một lá rau riếp, chúng nhanh-nhau mổ vào lá rau, có vẻ khoái lắm.

Chúng em thấy vui mắt, vui tai, thích lắm. Chẳng trách có người mua đòi chim yến đến hơn ngàn đồng.



**BÀI 33**

**Tả con chim bồ-câu**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Nhà em nuôi chim bồ-câu ở đâu ?

**THÂN BÀI :**

- a) Hình-dáng : Minh — Đầu — Mắt — Mỏ — Lông — Chân.
- b) Cử-động : Dáng đi — Bay — Tiếng kêu.
- c) Tính-nết : Chịu khó kiếm ăn — Chịu khó ấp trứng — Có nghĩa với chủ.
- d) Nó ăn gì ?
- e) Ích-lợi.

**KẾT-LUẬN :** Nuôi chim bồ-câu để ăn thịt và để làm cảnh.

**BÀI LÀM**

Nhà em chật hẹp lắm. Thế mà cha em cũng cố đóng lấy cái chuồng bằng gỗ sơn xanh để nuôi chim bồ-câu.

Đôi chim bồ-câu màu sắc giống nhau như in, không phân biệt con nào đực con nào cái.

Minh nó thon-thon dài, giống như cái bắp chuối. Đầu tròn như quả cà Mỏ xam-xám, hơi cong-cong. Đôi mắt tròn, đen láy như hai hạt đậu nằm giữa cái vòng tròn đỏ như sợi chỉ. Cổ hơi ngắn, lông cổ mịn-màng xanh biếc và óng-ánh. Cánh và đuôi lông dài và cứng, cùng màu nâu sẫm như lông ở lưng. Bụng và đuôi lông trắng như bông. Chân nhỏ loắt-choắt, màu đỏ như son.

Mới sáng sớm, đôi chim đã sà xuống sân bếp. Chúng len-lỏi hết xó nọ xó kia, đầu sấn góc bếp. Chân ngẩn-ngẩn bước luôn luôn làm cho cái đuôi quay bên nọ quay bên kia. Em ném cho chúng một vốc gạo hay ngô, chúng mổ « lách tách » chỉ một loáng là hết. Ăn no rồi chúng cất cánh bay bổng tit lên lưng chừng trời, liệng xa đi mấy vòng rồi sà xuống đậu trên nóc nhà. Chúng gáy « gù gù » mấy tiếng rồi lại bay xuống sân để kiếm ăn.

Cha em khen chim bồ-câu là giống chim có nghĩa với chủ. Bay đi đâu xa chúng cũng nhớ về chuồng.

Nuôi chim bồ-câu làm cảnh chơi cũng thích. Chúng đi lại trong sân hay bay liệng trên trời, nhìn cũng vui mắt. Cứ bốn mươi ngày lại được một đôi chim non. Chim bồ-câu non nấu cháo ăn rất bổ, hoặc xào nấu cũng ngon lắm.



**BÀI 34**

**Tả con cá vàng**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Nhân dịp Nguyên-đán, em mua một đôi cá vàng để nuôi.

**THÂN BÀI :**

- a) Em thả cá vào cái lọ đựng kẹo bằng thủy-tinh.
- b) Hình-dáng : Minh — Đầu — Mắt — Mồm — Vây — Vây — Đuôi.
- c) Cử-động : Ngoi, lặn.
- d) Lúc cho nó ăn.
- e) Chăm-nom.

**KẾT-LUẬN :** Nuôi được đôi cá vàng em thích lắm.

**BÀI LÀM**

Nhân dịp tết Nguyên-đán ta, em được mấy chục bạc là tiền mừng tuổi. Em sang Chợ-lớn mua một đôi cá vàng. Em thả chúng vào cái bình thủy-tinh đựng kẹo để nuôi chơi.

Chúng tung-tăng trong bình nước trong veo, trông mới đáng yêu làm sao ! Minh nó to bằng ngón tay cái. Cái đầu to kèch xù làm cho em phải ngạc-nhiên. Đôi mắt tròn như hai hạt đậu đen, to và lồi hẳn ra hai bên đầu. Cái mõm to và mỏng. Chiếc bụng phình to, màu trắng óng-ánh. Vây nho-nhỏ, màu vàng cháy. Cái đuôi dài lê-thê rất mỏng, chập-chờn theo làn nước trong như một dải lụa trước gió.

Đôi cá vẩy-vùng. Mõm hé ra ngậm lại luôn luôn theo nhịp với đôi mang phấp-phồng. Đôi vây phe-phây. Toàn thân uốn mềm-mại. Chiếc đuôi múa-máy nhẹ-nhàng. Đôi cá nhịp-nhàng bơi trong làn nước trong veo. Thỉnh-thoảng chúng ngoi lên mặt nước, rồi từ-từ lặn xuống rìa gốc cây rong.

Sáng ra, em cho vài con cung-quăng vào bình cá. Cung-quăng ngoi nhanh thoảng-thoắt. Đôi cá nhẹ-nhàng đuổi theo bắt mồi.

Từ hồi có đôi cá vàng, em say-sưa với chúng. Tan học về là em ngồi bên lọ cá vàng ngắm-nghía để giải-trí. Có khi ngồi bên cạnh bình cá vàng mà học bài, tưởng chừng như chỉ mình em là biết chơi cá vàng. Có lúc em nghĩ bụng : Minh là chủ của chúng thì mới biết yêu cái vẻ đẹp của chúng, mới biết thưởng-thức cái cử-động duyên-dáng của chúng. Cha em bảo : « Thăng này chơi cá vàng thế mà hay. Nó khỏi đi rong phố, nghịch-ngom với trẻ con. »

Em quý đôi cá vàng lắm. Sáng nào em cũng thay nước trong. Em bỏ vào bình cho chúng một chút đồ ăn, rồi mới đi học.



## TẢ NGƯỜI

### DÀN BÀI CHUNG

**MỞ BÀI :** Người ấy là thân-nhân hay em trông thấy ở đâu ?  
Trạc bao nhiêu tuổi ?

**THÂN BÀI :**

- a) Hình-dáng toàn-thể (cao hay thấp, to lớn hay tầm thước).  
Đầu tóc — Mặt — Mắt — Tai — Trán — Mồm — Răng — Tay — Chơn — Da-dẻ.
- b) Cách ăn-mặc (lúc ở nhà, lúc đi chơi).
- c) Cử-chỉ, ngôn-ngữ (cách đi đứng, sắc mặt, tiếng nói, tiếng cười).
- d) Tinh-nết.  
Thói quen : Vui tính hay gắt-gỗng — Sạch-sẽ hay bẩn-thỉu.  
— Hay làm dáng hay giản-dị — Hay đọc-sách hay đi lễ-bái.  
— Cần-thận, chăm-chỉ, v.v....  
Tinh-nết — Đối với gia-đình — Đối với học-đường — Đối với xã-hội.

**KẾT-LUẬN :** Cảm-tình người ấy đối với em. Cảm-tình của em đối với người ấy. Sự cư-xử của em đối với người ấy.



**BÀI 35**

Tả hình-dạng ông em

**MỞ BÀI :** Ông em năm nay độ mấy chục tuổi ? Ông nội hay ông ngoại ?

**THÂN BÀI :**

- a) Hình-dáng : Dáng người — Đầu tóc — Trán — Mặt — Mắt — Mồm — Hàm răng — Râu-ria — Da-dẻ — Lưng — Tay, chơn.

- b) Cách ăn-mặc : Lúc ở nhà — Lúc đi chơi.
- c) Cử-chỉ : Nhanh-nhẹn hay chậm-chạp, làm ít, nói to, tiếng nói phi-phào nhẹ-nhàng.
- d) Tính-nết : Hay xem sách, hay nói chuyện cồ-tích hoặc chuyện lúc thiếu-thời — Yêu cháu — Nường quà cho các cháu — Không to tiếng với ai — Hay dạy bảo con cháu — Hay thức khuya dậy sớm.

**KẾT-LUẬN :** Em quý mến ông em thế nào ? Em vâng lời thế nào ?  
Em hầu hạ ông thế nào ?

### BÀI LÀM

Ông nội em năm nay đã ngoài bảy mươi tuổi.

Người ông tầm thước, tuy gầy-gò mà ít khi yếu đau. Đầu sói, lơ-thơ mấy cái tóc bạc. Trán cao nhiều nếp nhăn-nheo biểu-lộ những nỗi lo-âu trong cuộc đời. Mắt ông sâu hoắm ẩn dưới lông mày dài và rậm, điểm một vài cái lông chặm đến mắt. Mắt ông lơ-dờ sau cặp kính lão. Má ông hóp sâu xuống, hai gò má nhỏ cao hẳn lên, cắm dưới chia ra phía trước. Mồm rộng môi dày, hàm răng rụng gần hết, làm cho môi trên gần che mất lỗ mũi. Bộ râu thưa và trắng phau chặm xuống đến ngực. Tay chân gầy-gò, chỉ có da bọc lấy xương. Bắp thịt bé đi làm cho da-dẻ càng thêm nhăn-nheo. Lưng ông không cong, nhưng đi đâu ông vẫn chống chiếc gậy tre, vì mắt ông kém.

Ông ăn-mặc giản-dị lắm. Ở nhà ông thường mặc cái quần dài và cái áo cánh trắng, chân đi đôi guốc. Đi chơi đâu xa ông em mới mặc thêm cái áo lương thâm, đội cái khăn xếp, mang đôi giày ta. Ông chỉ loanh-quanh ở nhà. Lúc đi đọc sách, lúc thì tưới hoa. Buổi tối ông kể chuyện cồ-tích cho các cháu nghe. Tiếng ông nói phi-phào, lắm lúc em phải lắng tai mới nghe rõ. Tai ông lại nghênh-ngảng, thường khi có khách nói chuyện với ông, em phải đứng làm thông-ngôn. Ông em chiều các cháu lắm. Có ai biểu quà bánh gì, ông phân-phái hết cho các cháu. Ông hay đem những câu sách nho ra cắt nghĩa và khuyên dạy

con cháu. Cha em thường bị ông em quở mắng luôn. Có khi em kể lại đầu đuôi câu chuyện. Ông em bảo : « Thế hử ? Nào ông biết đầu, sao cháu không nói trước ? » Thế mà, đối với người ngoài, ông em không nói to bao giờ. Ai nói gì ông em cũng bảo là phải.

Em kính trọng ông em lắm. Ở trường về, em cúi chào ông rất lễ-phép. Em thường đến gần để ông sai bảo. Khi rót nước khi tìm quần áo để ông thay, khi đi mua thuốc Lào. Hễ em đi học về là ông em sai em đọc báo để ông nghe.



### BÀI 36

Trường em có tổ chức một cuộc quyên quần áo để giúp đồng-bào bị hỏa-hoạn. Em thuật lại cuộc lạc-quyên ấy

### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Vụ hỏa-hoạn xảy ra ở đâu ? Bao giờ ?

**THÂN BÀI :**

- a) Nhà trường được lệnh.
- b) Học-sinh tụ-tập đúng ngày giờ.
- c) Đội của em.
- d) Đến các khu.
- e) Kết-quả cuộc quyên.

**KẾT-LUẬN :** Các em thấy trong lòng vui-sướng.

### BÀI LÀM

Vụ hỏa-hoạn xảy ra ở trại định-cư Gia-Kiệm ngày... tháng.. thật là kinh-khủng. Theo báo hàng ngày thì thiệt-hại lên tới hàng chục vạn đồng. Hàng trăm gia-đình lâm vào cảnh chiếu đất màn trời.

Theo lệnh trên, trường em được phép tổ-chức cuộc quyên quần áo để giúp đồng-bào bị hỏa-hoạn.

Đúng 7 giờ sáng chúa-nhật, các đội đều có mặt ở trường để đi công-tác.

Thầy hiệu-đoàn-trưởng nói mấy câu vắn-tắt : « Thầy biết rằng tuổi các em là tuổi sốt-sắng làm việc nghĩa. Thầy không cần phải nhắc đến câu ca-dao « Nhiều điều phủ lấy giá gương », các em cũng vẫn sẵn lòng thương-xót đồng-bào bị nạn. Kết-quả cuộc lạc-quyên sẽ được nêu lên trong phiên họp tới để thưởng công các em. Thầy chúc các em thành-công... » Một hồi vỗ tay như pháo nổ. Chúng em tản-mác ra các ngã đường.

Đội em đã cử sẵn năm người. Anh Giáp được bầu làm đội-trưởng vì anh khéo nói. Em được hân-hạnh bầu làm thư-ký vì chữ em viết rõ-ràng. Còn ba anh nữa, nhanh-nhẹn và khỏe-mạnh, được bầu làm ủy-viên, có nhiệm-vụ phải mang va-ly đựng quần áo.

Theo giấy chỉ-định, đội em được đi công-tác trong những dãy O P Q, khu Nguyễn tri-Phương, Chợ-lớn cũ.

Vào nhà nào chúng em cũng gõ cửa, cố nín cười. Vào nhà thứ nhất đã gặp may-mắn. Chào hỏi lễ-phép rồi chúng em chưa kịp nói, anh Tý đã nói trước với cha mẹ. Bà mẹ anh Tý nói : « Á phải rồi ! Các anh hãy ngồi chơi với em một lát. Bà vội mở tủ lấy một cái áo sơ-mi trẻ em còn mới nguyên và một cái quần tây cũ của người lớn. Bà gấp hân-hoi đưa chúng em. Vừa ra khỏi cửa mấy bước thì anh Tý chạy theo, nhập bọn với chúng em đến những nhà cùng dãy. Vì anh quen thuộc, nên đến nhiều nhà anh nói hót ngay trước. Nhà thì cho cái áo mới nguyên, nhà thì đưa cái áo nhuộm xanh đỏ đã phai màu. Cũng có nhà, vợ chồng thi-thào mãi mới đưa ra một cái áo đã vá vai. Một nhà kia, có vẻ phú-hộ, cô con gái đưa ra hai cái áo cũ và vài cái quần vá. Bà cụ già vội-vàng lấy và nói : « Đề mợ xem đã ». Rồi bà lấy thêm một cái áo dài

mới và một cái quần tây mới. Chúng em cảm ơn, sẽ mở cửa đi ra. Tý vỗ tay vào vai em nói thầm : « Các cụ già vẫn giàu lòng nhân-đức ».

Bọn em chịu khó gõ cửa, nhà nào cũng vào. Đi hết hai dãy O P đã được khá nhiều quần áo. Ba anh phải thay phiên nhau mang nôi cái va-ly đầy phồng lên. Thịnh-thoảng các anh còn phải khênh những-nhặng cho đỡ mỏi tay. Đi rong đường, chúng em phải pha trò cười cho ba lực-sĩ đỡ mệt.

Về đến trường, đồng-hồ chỉ 11 giờ rưỡi. Trông thấy chúng em, thầy hiệu-đoàn-trưởng nói : « Á ! đội này có lẽ về nhất đấy » — Nghe tiếng « nhất » trong bụng chúng em như « mở cờ ». Chúng em quên cả mệt-nhọc, nhìn nhau tùm-lim cười.

★

**BÀI 37**

**Tả hình-dáng mẹ em và nói cảm-tình của em đối với người**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Mẹ em năm nay bao nhiêu tuổi ?

**THÂN BÀI :**

- a) Hình-dáng : Tầm vóc — Đầu tóc — Mắt — Mút — Miệng — Tay chân — Da-dẻ.
- b) Cách ăn mặc : Lúc ở nhà, lúc đi chợ.
- c) Cử-chỉ : Dáng đi — Ăn nói — Tinh-nét — Châm-chỉ.
- d) Đối với con-cái — Đối với cha em — Đối với chị-em bè-bạn.

**KẾT-LUẬN :** Em yêu-mến mẹ em tại sao ? Em ăn ở thế nào ?

**BÀI LÀM**

Mẹ em năm nay đã ngoài bốn mươi tuổi.

Hình-dáng người nhỏ-nhắn và hơi lùn. Mái tóc đen láy dài lê-thê, luôn luôn cuộn tròn trong chiếc khăn nhung đen.

Trán người đã in mấy nếp nhăn tỏ vẻ trải nhiều điều lo-lắng. Đôi mắt đen láy lộ vẻ hiền-từ. Miệng cười để lộ hai hàm răng đã hơi phai. Chân tay nhỏ bé nhưng còn rắn-chắc. Màu da đen sạm.

Người ăn mặc thật giản-dị. Ở nhà người thường mặc chiếc quần dài đen và chiếc áo cộc trắng. Khi đi chợ mặc thêm chiếc áo dài màu mỡ gà, chân mang đôi guốc sơn đen quai da láng.

Suốt ngày người làm hết việc nọ đến việc kia. Đi chợ, nấu cơm, quét dọn, giặt-giũ. Tối đến ngồi khâu-vá còn ngồi cạnh đũa em út để ru nó ngủ. Đối với ông bà em, mẹ em ăn nói lễ-phép hơn cả chúng em. Mỗi khi đi chợ về, mẹ em để quà bánh vào đĩa mời ông bà em trước, rồi mới chia cho trẻ con. Ăn tiêu ở trong nhà mẹ em chi-ly từng đồng. Mẹ em thường nói với cha em rằng : « Nhà đông con thế này, không sên-so lấy đâu cho chúng nó ăn học ».

Không bao giờ mẹ em to tiếng với bà con hàng xóm. Mỗi khi thằng em bé cãi nhau với trẻ hàng xóm là mẹ em lôi ngay nó về đánh mắng và bảo rằng : « Mẹ chỉ sợ các con đánh nhau để người ta chê « con hư tại mẹ ».

« Công mẹ như nước trong nguồn chảy ra » em quên sao được. Em yêu-mến người và vâng lời người. Em mong người được khỏe-mạnh, sống lâu. Em cố-gắng học-hành để sau này lớn lên, có thể kiếm ra đồng tiền mà phụng-dưỡng cha mẹ lúc tuổi già.

☆

## Tả hình-dáng đũa em út của em

### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Đũa em út của em năm nay lên mấy tuổi? Tên nó là gì?

**THÂN BÀI :**

- a) Hình-dáng : Tầm vóc — Đầu tóc — Mặt — Mắt — Trán — Má — Mồm, răng — Tay chân — Da.
- b) Cách ăn-mặc : Lúc ở nhà. Lúc đi chơi.
- c) Cử-chỉ : đi đứng.
- d) Tính-nết : Hay vòi — Thích chơi đùa — Thích bắt chước. Tính-nết tốt và tính xấu (đối với cha mẹ, anh chị).

**KẾT-LUẬN :** Có nhà mến nó tại sao? Nó đối với em và em đối với nó thế nào?

### BÀI LÀM

Hải là đũa em út của em. Năm nay Hải lên năm tuổi.

Người em nhỏ-nhỏ thấp-thấp. Tóc đen huyền rũ xuống vai. Mặt đầy-dặn trắng như bột. Đôi mắt đen láy sáng như gương ẩn dưới lông mi thưa-thớt. Hai má bầu-bầu hồng-hồng. Đôi môi đỏ như tô son. Em mỉm cười để lộ hàm răng nhỏ và trắng. Tay chân rắn-chắc. Nước da trắng-trẻo.

Ở nhà em thường mặc chiếc quần dài đen, chiếc áo cộc hoa sặc-sỡ. Khi đi học, em mặc chiếc áo đầm màu xanh hoa lý.

Suốt ngày em lẻ đôi guốc lẹp-kep, sang nhà hàng xóm chơi với trẻ. Em bày đồ chơi ra giả bán hàng với chúng. Rồi em bắt chước chúng múa hát om-sòm. Em mới đến trường mẫu-giáo được mấy hôm nay. Mỗi lần ở lớp học được cô giáo khen, vừa về đến cửa em đã khoe ngay. Có lúc em bắt chước cô giáo, cầm cái thước kẻ, chấp tay ra sau lưng đi đi lại lại, gọi học trò lên bảng đọc bài. Có lúc em dờ quyền sách vỗ lòng ra đọc vang lên. Em đi chơi với trẻ thấy đũa nào có

đồ chơi mới hay cái áo mới, về nhà em vui với mẹ em, đòi mua kỳ được. Có khi em nói những câu ngây-thơ, ngờ-ngẩn làm cho cả nhà phì cười.

Em thật là nguồn vui của cả gia-đình. Cả nhà ai cũng mến nó. Nó qui em lắm. Nó thấy em đi học về, nó chạy ra đường mừng-rỡ, dắt tay em. Thỉnh-thoảng nó cầm quyển sách vỗ lòng ngồi bên em. Em giúp nó tập đọc. Ngày nào nghỉ học, em thường dắt Hải đến chơi nhà bà con ở gần nhà em.



**BÀI 39**

**Tả thầy-giáo em và nói cảm-tình của em đối với người**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Thầy-giáo em tên là gì ? Thầy độ bao nhiêu tuổi ?

**THÂN BÀI :**

- a) Hình-dáng : Tầm vóc — Đầu tóc — Mặt — Mắt — Trán — Miệng, răng — Tay chân — Da-dẻ.
- b) Cách ăn-mặc (giản-dị).
- c) Cử-chỉ : Dáng đi, cách nói-năng — Dáng-điệu lúc giảng bài.
- d) Tinh-nết : Đối với bạn đồng-nghiệp — Đối với phụ-huynh học-trò — Đối với học-trò (hiền-lành mà cương-quyết — Mến học-trò, tận-tâm với chức-vụ...)

**KẾT-LUẬN :** So-sánh với cha em (yêu-mến, kính-trọng). Cảm-tình của em đối với người khi em thôi học.

**BÀI LÀM**

Em học lớp Nhi trường Tiểu-học Ngã-sáu. Em học thầy-giáo Chi. Thầy trạc ngoài bốn mươi tuổi.

Tầm-vóc thầy dong-dỏng cao. Tóc đen láy cắt ngắn, chải lật ra sau gáy, lúc nào cũng mượt. Gương mặt tròn lộ vẻ ôn-ôn. Đôi mắt đen sáng-quắc ẩn dưới đôi lông mày thưa-thưa và

dài. Vàng trán cao tỏ vẻ thông-minh. Miệng rộng đôi khi mỉm cười, để hé bộ răng đều-dặn trắng như sứ. Chân tay rắn-chắc làm cho dáng đi thêm vẻ nghiêm-trang. Nước da đen ngăm-ngăm và hồng-hào tỏ ra người có sức-lực bền-bĩ.

Cách ăn-mặc của thầy giản-dị lắm. Đến lớp học thầy thường mặc chiếc áo sơ-mi trắng, chiếc quần dài màu cà-phê sữa, cổ đeo chiếc cà-vát màu da trời.

Dáng đi của thầy ung-dung, thư-thả. Thế mà thầy làm việc mau lẹ lắm. Thầy đứng trước bàn giấy giảng bài. Thầy nói thông-thả rõ-ràng, lúc thì hùng-dũng, lúc thì ngọt-ngào. Mắt thầy nhìn thẳng khiến chúng em luôn luôn phải chú-ý.

Thầy qui mến chúng em như con đẻ, thầy không phạt học-trò mấy khi. Có bạn nào thi-thào, nghịch-ngợm, thầy sẽ gõ thước xuống bàn gọi đến tên là cả lớp cứ im phăng-phắc.

Đối với các bạn đồng-nghiệp, thầy tỏ ra thân-mật, hòa-nhã và rất vui tính. Đối với phụ-huynh học-sinh, thầy niềm-nở lắm.

Em kính yêu thầy-giáo cũng như cha em vậy. Lúc nào em cũng vâng lời thầy. Em cố gắng học-tập để khỏi phụ công thầy dạy-dỗ. Trong óc em thường nhớ đến câu : « thờ thầy mới được làm thầy ».



c) Cuối giờ chơi : tiếng trống báo hiệu, học-trò xếp hàng tươi-cười, im-lặng vào lớp.

**KẾT-LUẬN :** Ích-lợi của sự giải-trí, nhìn ra sân thấy vắng-vẻ.

# TẢ QUANG-CẢNH

**CHÚ-Ý :** Tả quang-cảnh nghĩa là tả lẫn cả : thời-gian, khung-cảnh, sự hoạt-động.

## DÀN BÀI CHUNG

**MỞ BÀI :** Thời-gian và khung-cảnh phải đúng thật hoặc giống như thật để hợp với sự hoạt-động — Nhưng chỉ nói phác qua.

### THÂN BÀI :

Sự hoạt-động của cả nhóm người hay của một người. Sự hoạt-động có phần chính, phần phụ tùy theo mà nói kỹ hay nói lướt qua. Sự hoạt-động có thể xảy ra trong một thời-gian (phải nói việc trước việc sau có thứ-tự).  
Phần hoạt-động xen lẫn các cử-động (tiếng nói, tiếng cười).

**KẾT-LUẬN :** Quang-cảnh ấy đem lại những sự vui-vẻ hoặc đáng thương-xót đối với em.



**BÀI 40**

## Tả giờ chơi ở sân trường

### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Hằng ngày trường em học ra chơi vào khoảng mấy giờ?

### THÂN BÀI :

a) Lúc bắt đầu giờ chơi (trống đánh học-trò đứng nghiêm theo hàng lối ra sân.)

b) Giữa giờ chơi : Học-trò trai ra chơi gì ? (Tiếng nói, tiếng động từng trò chơi) — Học-trò gái ra chơi gì ? — Học-trò lớn hay nói chuyện hoặc xem chuyện — Một vài đám cãi, đánh nhau — Thầy-giáo trông coi học-trò.



## BÀI LÀM

Mỗi buổi học, khoảng bốn giờ chiều, ba tiếng trống lớn báo hiệu giờ chơi.

Từ các lớp, học-sinh xếp hàng đôi, tua-tua kéo ra sân. Các trò chơi diễn ra mau-lẹ. Chỗ này năm ba em chơi bi, tiếng bi chạm nhau canh-cách. Chỗ kia, vài ba bạn chơi vù, tiếng vù xoay vù vù. Giữa sân một đám « chơi cừu ». Mấy bạn khom lưng, một bạn nhảy qua, chân chạm xuống đất bình-bịch. Cuối sân vài bạn đuổi nhau vun-vút, chạy quãng cả dép đi.

Chỗ khác, mấy chị nữ-sinh chơi nhảy dây. Tiếng dây vun-vút nhịp theo tiếng chân chạm đất đều đều. Chỗ khác mấy chị chơi ô tây, co chân nhảy, chạm xuống đất xinh-xịch.

Cuối sân mấy bạn đang chơi đùa, xoay ra chế-diệu nhau sinh sự cãi nhau, đánh nhau, làm cho bạn bè xúm-xít vòng quanh. Một thầy-giáo vội đến giải-tán và bắt phạt cả hai anh.

Sân trường lúc ấy ồn-ào như chợ. Tiếng cười như ngô rang, tiếng gọi tiếng nói rào-rào, xen lẫn với tiếng giầy guốc, tiếng chân chạy nhảy, đủ thứ tiếng.

Chúng em đang nô-đùa vui-vẻ, bỗng ba tiếng trống « tùng, tùng, tùng » nổi lên. Mọi người đều ngừng chơi, vội-vàng xếp hàng trước lớp.

Mười phút giải-trí, chúng em thấy vui-vẻ, khoan-khoá. Vào lớp học ai nấy đều hăng-hái làm việc. Sân trường lúc bấy giờ lại yên-tĩnh, chỉ-còn trơ lại mấy bóng cây.

**BÀI 41**

# Tả lúc tan học ở trường em

## DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Trường em tan học vào khoảng mấy giờ ?

### THÂN BÀI :

- a) Trống báo hiệu.
- b) Học-trò sắp-sửa cặp sách — Theo hiệu-lệnh ra sân sắp hàng.
- c) Lúc chào cờ : Học-trò đứng nghiêm — Thầy-giáo hô « chào cờ » Học-trò hát bài quốc-ca — Vai em học-trò lớn hạ cờ.
- d) Lớp nào lớp ấy tiến ra cổng trường (tiếng động tiếng nói).
- e) Bọn sang qua đường. Bọn tản ra các ngã — Các em nhỏ có người lớn đến đón — Mấy em thích nô-đùa, quất to, cười lớn.

**KẾT-LUẬN :** Lúc tan học có gì là vui ? (học-trò đông-đáo — Mong chóng về nhà — Sau khi học được nghỉ-ngơi và được cử-động).

## BÀI LAM

Đồng-hồ vừa chỉ sáu giờ chiều, một tiếng trống báo hiệu giờ tan học.

Chúng em cất cả bút mực vào cặp. Nghe tiếng hô «nghiêm» chúng em đứng dậy đều phăng-phắt rồi lần-lượt ra sân. Lớp nào riêng lớp ấy xếp hàng trước cửa lớp, quay mặt mặt về phía cột cờ. Cảnh học-sinh mỗi lớp các thầy-giáo sẵn-sàng. Mọi người đều nghiêm-chỉnh, sửa-soạn. Trên đầu cột cờ, lá quốc-kỳ đang phất-phới bay theo chiều gió. Thầy hiệu-đoàn-trưởng hô to : « Chào cờ ». Tất cả đều ngàng mặt nhìn lá quốc-kỳ, tay cầm mũ, đứng nghiêm. Học-sinh lớp nhất bắt đầu hát bài quốc-ca. Hai bạn lớn hai tay cầm sẵn đầu dây, nhịp-nhàng hạ cờ. Sân trường yên lặng, chỉ nghe thấy tiếng đồng ca hùng-dũng và tiếng « lất-phất » của lá cờ chạm vào gió. Quốc-ca vừa dứt thì quốc-kỳ cũng vừa hạ xuống tới đầu dây.

Một hồi trống vang lên, kéo dài ngân-nga. Cổng trường mở rộng. Làn sóng người từ-từ chuyển-động, nét mặt vui tươi. Tiếng cười nói xi-xào lẫn với tiếng giày, guốc xinh-xịch. Giữa đường một cảnh-sát-viên ra hiệu ngừng các xe-cộ. Dưới sự hướng-dẫn của hai thầy-giáo, một đoàn học-sinh dài dằng-dặc sang qua đường. Bọn sau còn đông hơn nhiều, không phải qua đường. Ra khỏi cổng chúng em tán-mác ra hai ngã. Những bạn ở xa trường rào bước về nhà. Nhiều anh còn đùa-bỡn, dằng cặp, dằng mũ của bạn quăng xuống vệ đường. Tiếng la-hét, tiếng gọi nhau om-sòm làm cho mấy người qua phố phải phi cười. Cổng trường còn lảng-vảng mấy em học-trò nhỏ lớp năm. Lần-lượt các em được anh chị đến đón. Ngồi trên xe-đạp xe máy các em hớn-hở vui cười.

Sau bốn giờ học-tập ở trong lớp chúng em đã thấy mệt. Lúc ra về, ai nấy đều sung-sướng. Sung-sướng vì đã biết thêm được một vài điều mới-mẻ. Vui-vẻ vì sắp về đến nhà để ăn cơm và sum-họp với gia-đình.



**BÀI 42**

# Tả cảnh sum-họp buổi tối ở nhà em

## DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Vào khoảng mấy giờ chiều thì gia-đình em ngồi sum-họp ?

### THÂN BÀI :

- a) Khung-cảnh : Ngọn đèn thế nào ? Mọi người ngồi đâu ? (bàn — sập — ghế).
- b) Ông, bà làm gì ? (cử-chỉ, tiếng nói) — Cha làm gì ? Mẹ làm gì ? Anh, chị và em làm gì ? — Em nhỏ làm gì ?
- c) Sự vui-vẻ vì buổi sum-họp (cha mẹ nghỉ làm việc — ông bà vui thêm vì con cháu vắng nhà — con cháu học-hành vui-vẻ).

**KẾT-LUẬN :** Bất cứ giàu hay nghèo, sự sum-họp cũng đem lại nguồn vui cho hết mọi người : già cũng như trẻ.



## BÀI LÀM

Hàng ngày vào khoảng chín giờ tối, sau bữa cơm, gia đình em sum-họp đông-dủ.

Căn phòng quét vôi trắng nhạt, rộng-rãi, mát-mẻ. Ngọn đèn ống tỏa ánh-sáng mát dịu. Trên chiếc sập kê sát tường, ông em kể chuyện cổ tích. Mấy đứa em nhỏ xúm lại nghe, cười khúc-khích. Bà nằm trong giường đang ru thằng bé em út ngủ. Tiếng « ọ ời » nho-nhỏ ngân-ngã. Cha em đang ngồi đọc báo trên cái bàn kê ngay giữa phòng. Thỉnh-thoảng cha em ngừng lại để giảng nghĩa một bài Việt-văn hay Pháp-văn cho các anh chị học ở trường Trung-học. Em ngồi học bài trên bàn, thỉnh-thoảng lắng tai nghe ông kể chuyện. Góc phòng mẹ em đang may lại vài chiếc quần áo sút chỉ, tiếng máy chạy sè-sè. Bên cạnh mẹ em, một em học lớp vỡ lòng đang kêu « a ba ba, a quả na », mồm kêu mà tay vẫn mở hết trang nọ đến trang kia để xem hình vẽ. Đứa em gái lên ba chạy tung-tăng khắp mọi chỗ để phá đám. Cha em đưa con búp-bê cho nó chơi. Được mấy phút, nó đến dằng quyển sách « Học vui » của anh vất đi, nó đòi phải ra nghịch xe ô-tô với nó. Một lát, nghịch chán rồi, nó đến bên mẹ em nó vói. Mẹ em vội-vàng dẹp máy khâu lại, cho nó đi ngủ.

Nhìn thấy ông bà em mạnh-khỏe, vui cười với lũ cháu bé, cha mẹ em quên hết nỗi làm ăn vất-vả suốt ngày. Em nghĩ bụng rằng: Không còn cảnh nào vui bằng cảnh gia đình sum-họp. Chả trách đi chơi xa nhà một đêm là thấy buồn thiu, không sao ngủ được.



# THUẬT CHUYỆN HAY KỂ CHUYỆN

*Thuật lại những chuyện đã được mắt thấy tai nghe hoặc những chuyện đã đọc trong sách như chuyện lịch-sử, chuyện ngụ-ngôn, chuyện phải liên-tục, viết trước nói trước, viết sau nói sau. Nhân-vật trong chuyện phải được tả hình-dạng, cử-chỉ, ngôn-ngữ, đúng như thật, phải nói đến cái đặc-diểm của nó. Chuyện hay là ở chỗ làm cho người nghe chuyện cũng phải cảm-động như mắt thấy tai nghe. Phần kết-cấu có thể để người đọc đưa ra một cảm-tưởng riêng biệt không cần phải đợi đến ý-kiến khen chê của người thuật chuyện. Cũng có thể người thuật chuyện cho ý-kiến của mình để phê-bình những hành-vi của vai chính trong chuyện để nó nổi bật lên cái diểm chính hướng về đạo-đức, luân-lý.*

## DÀN BÀI CHUNG

**MƠ BÀI :** Thời-gian và khung-cảnh.

**THÂN BÀI :**

- a) Giới-thiệu nhân-vật, chia ra vai chính, vai phụ.
- b) Hình-dáng, y-phục, cử-chỉ, ngôn-ngữ của từng nhân-vật.
- c) Hành-vi của từng nhân-vật (cái khéo là phải giới-thiệu các vai trong chuyện cho đúng lúc). Hình-dáng, cử-chỉ, ngôn-ngữ — Hành-vi của họ phải xen lẫn vào hình-dáng của họ cho đúng lúc, cho liên-lạc, cho có lý.

**KẾT-LUẬN :** Cảm-tưởng của em đối với vai chính trong chuyện.

**BÀI 43**

**Thường ngày mẹ em nấu cơm. Em thuật lại công-việc ấy và cảm-tưởng của em**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Hằng ngày, vào khoảng mấy giờ sáng thì mẹ em nấu cơm?

**THÂN BÀI :**

- a) Trước khi nấu cơm, mẹ em đã mua đủ các thứ : những thứ gì ? Đẻ ở đâu?
- b) Trên mấy cái bếp lò thấy gì ? (tả lúc dóm bếp).
- c) Lúc nấu cơm mẹ em làm những gì ? (Rửa nồi — Đặt nồi nước lên bếp (nước vừa-vặn) — Vo gạo — Trong khi đợi nhất rau, thái thịt....
- d) Nước sôi cho gạo vào nồi (vỗ vào rá, gạo rơi vào nồi không rải một hạt nào) — Ghế cơm — Gạt bớt than hồng, đặt than lên trên vung.
- e) Cơm chín (thơm, dẻo).

**KẾT-LUẬN :** Được ăn cơm ngon em nghĩ đến sự làm ăn vất-vả và bàn tay khéo-léo của mẹ em.

**BÀI LÀM**

Đồng-hồ vừa đồ mười giờ sáng. Mẹ em đi chợ đã về tới nhà.

Mẹ em đặt cái làn mây lên cái phản con kê ở góc bếp. Vội-vàng người xếp vài que củi bỏ vào hai cái hỏa-lò. Đánh diêm châm củi rồi lần-lượt xếp vào bếp những miếng than nhỏ. Người cầm cái quạt buồm sẽ phe-phẩy, khói trắng tan dần. Than cháy đỏ hồng.

Mẹ em đặt lên bếp lưng nồi nước lã. Người đong gạo vào rá, dùng vào chậu nước. Hai tay người xoa kỹ trên mặt gạo,

chậu nước đục ngầu. Hai tay người vỗ se-sẽ vào cạp rá, dội mấy gáo nước trong vào gạo. Rá gạo để ghạch vào miệng thau cho róc hết nước.

Trong khi chờ đợi, người nhặt rau, thái thịt, làm cá... Một lát sau, nồi nước sôi sùng-sục, nắp vung bập-bành, hơi nước phi-phi phun ra. Mẹ em nghiêng miệng rá vào miệng nồi. Hai tay người sẽ vỗ vào cạp rá, gạo rơi vào nồi tanh.tách. Vung dầy lại. Vài phút sau, mở vung ra, bọt nước lẫn nhưa gạo trắng phau, nổi lên như bong-bóng, phập-phềnh rồi tan ra. Mẹ em cầm đôi đũa cả đảo gạo lên cho cơm chín đều. Gạt gạo cho phẳng và dầy vung lại. Người gắp mấy hòn than hồng đặt trên vung. Than đỏ trong lò được gạt đều ra chung-quanh rìa nồi. Than âm-ỷ nóng rồi tàn dần. Khoảng nửa giờ sau, mở vung ra cơm trắng phau nở đầy nồi. Hơi bốc nghi-ngút, tỏa mùi thơm êm-dịu.

Mâm cơm đặt trên mặt bàn. Món ăn nóng hổi : cơm dẻo, canh ngọt. Cả gia-đình ngồi chung-quanh mâm cơm, ăn uống vui-vẻ.

Em sức nghĩ đến công-lao khó nhọc của mẹ em. Nghĩ đến bàn tay khéo-léo của người đã làm những món ăn vừa ngon-lành vừa sạch-sẽ.



**BÀI 44**

**Chị em giặt quần áo.**

**Em thuật lại công-việc ấy và nói cảm-tưởng của em**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Thường ngày chị em giặt quần áo vào lúc nào ? Quần áo của ai ?

**THÂN BÀI :**

- a) Ngâm quần áo (làm thế nào).
- b) Quần áo trắng đặt trên bàn xát xà-phòng — Vò quần áo — Giũ quần áo.
- c) Hồ lơ.
- d) Phơi quần áo — Quần áo khô.
- e) Là quần áo rồi bỏ vào tủ.

**KẾT-LUẬN :** Khi em mặc quần áo sạch em thấy dễ chịu thế nào ? Em thầm cảm ơn chị em đã khéo-léo. Ở trong lớp được thầy-giáo khen thì em nghĩ gì ?

**BÀI LÀM**

Sáng hôm nay, chị em mang quần áo ra máy nước để giặt.

Đó là mấy cái áo sơ-mi và quần áo lót bằng vải trắng của cha em và chúng em. Quần áo được xếp vào cái chậu đầy nước để ngâm. Chị dầm lên chậu quần áo để nước ngấm đều.

Năm phút sau, chị nhặt một chiếc áo sơ-mi trải lên mặt bàn giặt bằng gỗ nhãn lý. Hai tay áo xắn cao, chị xát xà-phòng khắp cả cái áo. Chị lấy bàn chải đều, chỗ nào cáu đen được xát kỹ hơn. Tiếng bàn chải soàn-soạt. Bọt xà-phòng bám vào quần áo trắng xóa. Ghét ở quần áo thòi ra đen xì. Vò xong rồi, chiếc áo sơ-mi được đặt riêng vào cái thau thát. Chị tiếp tục đánh xà-phòng vào những cái quần áo khác.

Chị đổ nước trong vào dây chậu để giũ quần áo. Giũ đi giũ lại, hai ba lần, quần áo không còn mùi xà-phòng nữa là sạch. Chị hòa lơ nhân-nhật để hồ quần-áo trắng bong, phun-phất xanh trong. Quần áo sẽ được phơi lên cái dây thép căng ở sân sau nhà. Dưới ánh nắng mặt trời gay-gắt, đến chiều, quần áo khô hết, trắng-tinli và thơm-tho. Chị gấp quần áo cẩn-thận để ất vào tủ. Quần áo của cha em được là thẳng nếp và treo lên mắc.

Sáng nào em cũng thay quần áo trước khi đi học. Mặc bộ quần áo sạch-sẽ, thơm-tho, em thấy dễ chịu quá. Đến lớp học em được thầy-giáo khen là ăn mặc sạch-sẽ em thích lắm. Em thầm cảm ơn chị em, giặt gya quần áo cho em rất cẩn-thận.



**BÀI 45**

**Kể chuyện một em bé có chí học-hành**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Em bé ấy ở đâu ? (ở cùng lớp hay cùng xóm), tên em đó là gì ? Năm nay em độ mấy tuổi ?

**THÂN BÀI :**

- a) Hoàn-cảnh gia-đình của em bé — Cha mẹ già hay trẻ — Nhà có nhiều con bé không ? — Cha mẹ làm nghề gì ? — Ở căn nhà thế nào ?
- b) Em bé chăm học thế nào ? Tấn tới thế nào ? Hạnh-kiêm thế nào ? Đối với thầy với bạn hoặc đối với hàng xóm.
- c) Em phải làm thêm công việc gì để kiếm tiền mua sách vở và giúp cha mẹ — Em làm cho cha mẹ vui lòng. Cha mẹ em khen em thế nào ? Thầy-giáo hoặc hàng xóm khen em thế nào ?

**KẾT-LUẬN :** Đối với em bé ấy em có cảm-tình gì và nghĩ gì ?

### BÀI LÀM

Anh Nam học cùng lớp với em. Năm nay anh mới lên chín tuổi.

Anh sinh trong một gia-đình nghèo túng. Cha anh mất lúc anh mới lên sáu tuổi. Mẹ anh đảm-đang lắm mới đủ nuôi ba con đi học.

Đối với anh « thi giờ quả là vàng bạc ». Buổi tối, anh ngồi học bên ngọn đèn dầu, thường thường gần đến nửa đêm. Bốn giờ sáng anh đã dậy học. Học thuộc bài rồi, anh còn dạy bảo hai em. Anh quét dọn nhà cửa hay giặt quần áo.

Những ngày nghỉ anh cũng thức khuya dậy sớm để học bài. Đôi khi anh còn theo bà mẹ đi bán hàng. Thỉnh-thoảng bà mẹ có cho một vài đồng thi anh để dành mua sách vở.

Thấy con ăn mặc rách rưới, bà mẹ dỗ con :

— Nhà nghèo quá, con hãy nghỉ học một năm để giúp mẹ buôn-bán. Nhờ trời làm ăn khá, sang năm mẹ lại cho con đi học.

— Mẹ cứ cố cho con đi học. Phải học luôn mới bằng người. Nghèo lại cần phải học nhiều. Con học đề ngày sau kiếm tiền nuôi mẹ và hai em. Bây giờ có khổ thì ngày sau mới sung-sướng hơn người.

Nghe con nói vậy, bà mẹ cũng yên tâm, buôn-bán lần hồi cho con tiếp-tục việc học.

Từ ngày được lên lớp nhì, liên tiếp ba tháng, tháng nào anh Nam cũng đứng đầu trên bảng danh-dự. Cũng như ở lớp tư, lớp ba, hai năm liền anh được phần thưởng danh-dự.

Trong lớp thầy-giáo thường khen anh là học-trò tốt, đáng làm gương cho cả lớp. Riêng em, em mến phục anh Nam lắm. Nghèo mà có chí học-hành như vậy, chắc-chắn ngày sau anh sẽ hơn người.



### BÀI 46

## Kể chuyện một em bé có hiếu

### DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Hàng xóm em có một em bé tên là gì ? Em lên mấy tuổi ?

**THÂN BÀI :**

- a) Mẹ em bé nhà nghèo phải bán hàng rau cải. Hằng ngày em đi học về làm giúp mẹ và bán hàng giúp mẹ...
- b) Bà em cho em mỗi ngày một đồng để ăn quà sáng. Em đề dành.
- c) Một hôm bà mẹ ốm. Bà mẹ không có tiền uống thuốc và phải nghỉ bán hàng. Em bé xin phép nghỉ để trông-nom mẹ. Em đến hiệu thuốc mua một lọ thuốc và nắm quả cam về cho mẹ.
- d) Vài hôm bà mẹ khỏi ốm, hỏi con mới hay là con mua bằng tiền để dành.

**KẾT-LUẬN :** Hàng xóm ai cũng khen cô bé là đứa trẻ có hiếu.

### BÀI LÀM

Gần nhà em, hai mẹ con bà Tư sống vui-vẻ trong căn nhà lá lụp-sụp. Cô con gái tên là Bé, năm nay lên mười tuổi.

Bà mẹ đã ngoài năm mươi tuổi. Từ sáng tới trưa, bà bán rau ở chợ để kiếm ăn lần hồi. Buổi sáng Bé ở nhà bếp nước, vừa làm vừa học bài. Trưa đến, Bé lại giúp mẹ bó lại những mớ rau bán chưa hết.

Mỗi lần đi học, bà cho Bé một đồng để uống nước. Song, bao nhiêu tiền mẹ cho Bé cắt kín vào một mảnh bìa khâu thành cái túi con. Ngày một ngày hai, món tiền của Bé lên tới bốn chục đồng. Bé định bụng để đến Nguyên-đán mua hai đôi dép cao-su, để hai mẹ con mỗi người một đôi.

Một hôm, bà Tư dậy sớm đi chợ, gặp trận mưa to, bà bị cảm rồi đau nặng. Bé phải xin phép nghỉ học luôn luôn ngồi cạnh mẹ để săn-sóc. Bé nghĩ đến số tiền để dành. Em ra hiệu thuốc tây mua một lọ thuốc cảm. Còn thừa ba chục đồng, em mua một chục cam. Về nhà, em đưa mẹ uống một viên thuốc cảm. Em gọt một quả cam để mẹ ăn. Tối hôm ấy bà ngủ được. Vài hôm sau bệnh bà khỏi hẳn. Bà gắng hỏi con xem tiền mua thuốc là của ai cho. Bé vui-vẻ nói thực với mẹ. Bà Tư xoa đầu con, nghẹn-ngao nói :

— Con mẹ ngoan lắm. Để vài hôm, mẹ khỏi ốm, mẹ sẽ đi chợ. Gán tết mẹ cho con tiền để mua đôi dép mới.

— Để mười hôm, khỏe thật, mẹ hãy đi chợ. Mẹ đã già, dầm mưa dãi nắng sinh ra ốm đau. Con thương mẹ lắm. Con cố thức khuya học bài. Ban ngày lúc nào rảnh, con sẽ giúp mẹ buôn-bán.

Em nghĩ bụng : Tuổi trẻ mà biết thương yêu mẹ như vậy, thật là có hiếu. Có Bé đáng khen hơn Hán Lược-Tích đời xưa.



**BÀI 47**

**Kể chuyện một em bé giúp - đỡ cụ già**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Lớp em có em học-sinh tên là gì ? Lên mấy tuổi ?

**THÂN BÀI :**

- a) Một hôm có cụ già đến lớp học để tìm cháu gọi là bác không may cháu cụ nghỉ học.
- Tan giờ học, anh Bính đưa cụ về nhà người quen.

- b) Anh sẵn có năm đồng bạc là tiền của cha mẹ cho anh để đi xe. Anh thuê xe để cụ đi vì thấy cụ mệt nhọc và có gói quần áo. Nhà người bạn ở xa trường.
- c) Lúc đến nhà người bạn, vừa xuống xe anh dẫn ông cụ vào cửa, lễ phép chào cụ rồi rảo bước ra về.
- d) Về đến nhà đã muộn nửa giờ, vì anh đi bộ sợ cha mẹ quở mắng.
- e) Bà mẹ thấy con thuật chuyện lại an-ủi con và khen con ngoan.

**BÀI LÀM**

Anh Lê là bạn học cùng lớp với em. Năm nay anh lên chín tuổi.

Buổi chiều hôm qua, chúng em đang làm bài thi. Vào khoảng năm giờ. Bỗng có một cụ già đến cửa lớp. Cụ đội khăn lượt, mặc áo lương thâm dài. Một tay xách va-ly, một tay cầm ô lại kèm đôi giày ta. Cụ cúi đầu chào và nói chuyện với thầy-giáo.

Rồi thầy-giáo quay vào lớp hỏi :

— Các em có biết em Nghĩa nghỉ học vì có gì không ? Có ai biết nhà em Nghĩa không ?

Lê đứng lên trả lời :

— Thưa thầy, con biết.

— Em có gần nhà Nghĩa không ?

— Thưa thầy, anh Nghĩa trước ở gần nhà em. Mời dọn nhà đến đường Vĩnh-viễn mà con không nhớ số nhà.

Một lát sau, Lê đem nộp bài. Thầy-giáo hỏi :

— Em có thể dẫn cụ già về nhà Nghĩa được không ?

— Thưa được ạ.

Lễ về chỗ, thu-xếp sách vở bỏ vào cặp. Lễ theo thầy-giáo ra hiên. Thầy nói với cụ già :

— Thưa cụ. Cụ để trò này dẫn cụ về nhà em Nghĩa.

Cụ già cảm ơn thầy-giáo rồi cầm va-ly rảo bước ra công. Liếc mắt nhìn cụ già, Lễ nghĩ bụng : « Chắc cụ ở nhà quê mới lên thành-phố. Đi tắc-xi thì nhanh. Mà chắc gì cụ sẵn tiền. Thôi cứ đi bộ lâu một tý cũng được. Rồi Lễ nói với cụ :

— Cụ đưa va-ly để cháu cầm.

Cụ đã mệt vì đi đường xa. Cái va-ly lại hơi nặng đối với tuổi cụ. Cụ cầm cặp đòi cho Lễ, cụ toan thuê xe đi, nhưng trong bụng vẫn ngại, vì tiền còn ít. Nhớ không gặp người nhà thì sao. Cụ gắng hỏi : Sắp đến nhà chưa cháu ?

— Sắp đến rồi, cụ ạ. Nói là sắp đến mà đi cũng phải gần nửa giờ. Mỗi lần sang qua đường là một lần phải đợi lâu. Cụ già thì chậm-chạp, ngập-ngừng. Lễ thì tay xách nặng, lại phải đi kèm với cụ.

Lúc đến cửa nhà Nghĩa thì trong nhà đã bật đèn. Nghĩa nhìn thấy bạn chạy vội ra. Cụ già trông thấy Nghĩa mừng quá. Nghĩa dẫn cụ vào nhà. Lúc trở ra, Lễ đã chạy vụt đi xa, vì sợ trời tối quá.



**BÀI 48**

**Kể một chuyện cổ-tích**

*CHÚ-Ý :* Chuyện cổ-tích là chuyện đời cổ mà các cụ già thường kể cho cháu nghe. Nó không phải chuyện lịch-sử, không phải là chuyện ở sách TÀI PHÁP. Nói tóm lại là tích chuyện phải hoàn-toàn đời.

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Thời xưa, ở vùng kia, có một anh nhà quê tên là gì ?

**THÂN BÀI :**

- a) Hoàn-cảnh gia-đình (Nhà cũng vừa phải không nghèo lắm). Mẹ già thương con lắm, vì bà chỉ có một con trai độc nhất.
- b) Anh không chịu làm ăn gì chỉ đi chơi-bời lêu-lồng.
- c) Anh nuôi một con gà chọi mà anh quý lắm (chăm-nom thế nào?)
- d) Một hôm anh đi vắng, vợ anh ta xay lúa. Lúc đuôi gà không may quăng cái đòn gánh làm chết con gà chọi của chồng.
- e) Bà mẹ thương con dâu nhận là chính mình nhờ tay làm chết gà.
- g) Lúc con trai về bắt đầu hỏi ngay đến con gà. Bà trả lời như ý định.
- h) Anh con trai nổi cơn điên, hăm-hăm dắt mẹ ra đồng định chôn sống mẹ Trời nổi cơn phong-ba, sét đánh chết thẳng con bất hiếu.

**KẾT-LUẬN :** Câu chuyện đáng làm gương cho những đứa con bất hiếu.

**BÀI LÀM**

Ngày xưa, ở vùng quê kia, có một gia-đình khá-giả. Bà cụ già sống với hai vợ chồng anh con trai tên là Hồ.

Bà chiều-chuộng anh Hồ, vì anh là con một. Vợ anh chịu khó làm ăn lại có nết-na nên được mẹ chồng thương lắm. Hồ được thế, quanh năm lêu-lồng chơi-bời. Suốt ngày anh săn-sóc con gà chọi. Anh quý nó như vàng.

Một hôm trời nắng ráo, Hồ điện bộ đi chơi. Bà cụ cùng con dâu ở nhà, mang lúa ra xay. Hai mẹ con thay phiên nhau xay lúa hay sàng, sảy gạo. Người con dâu đang mài miết sàng, mồ-hôi nhễ-nhệ. Từ dâu con gà chọi chạy đến, cứ lần xả vào nia gạo. Máyôi cả đuôi đi, gà lại xô đến. Tirc mình chị ta cầm ngay cái đuôi bunn quăng mạnh một cái, có ý dọa đề gà lánh xa. Bất ngi nhanh quay lơ được vài vòng rồi nằm đầy chết. Người con dâu quâ, xin mẹ chồng cho đi trốn. Bà cụ thương con dâu an-ủi rằng sẽ nhận lỗi về phần bà.

Trời sấm-sấm tối Hồ mới về đến nhà. Anh ta chạy khắp nơi để tìm gà chọi. Bà mẹ ôn-tồn kể lại việc đã xảy ra và nhận là lỗi tay ném chết con gà.

Hồ hàm-hằm nổi giận, hai mắt đỏ ngầu. Vợ anh sợ-hãi, trốn biệt, Hồ sùng-sộ như thẳng điện, cầm tay bà mẹ lôi ra cánh đồng.

Trời đang quang-dãng, bỗng tối sầm lại, cơn dông kéo đến. Vừa ra đến bãi tha-ma, Hồ định đao hồ để chôn mẹ già. Ngay lúc đó, một ánh chớp xé rách bầu trời mù-mit. Một tiếng nổ vang trời, đánh tan xác đũa con bất-hiểu.

Người xa kẻ gần biết chuyện ai cũng bảo «Lưới trời tránh sao cho thoát.»



**BÀI 49**

**Thuật chuyện một vị anh-hùng của nước Việt-Nam**

**DÀN BÀI**

**MỞ BÀI :** Giới-thiệu vị anh-hùng.

**THÂN BÀI :**

- a) Quê-quán.
- b) Mở-mang bờ cõi.
- c) Hai lần phá quân Tống.
- d) Tuổi già còn anh-dũng.

**KẾT-LUẬN :** Vị anh-hùng có công to với nước ta.

**BÀI LÀM**

Trong bốn ngàn năm lịch-sử, những vị anh-hùng, anh-thu của nước Việt-Nam ta kể không sao hết. Nhưng ý riêng tôi, tôi nghĩ ông Lý thường-Kiệt là người anh-hùng bậc nhất.

Lý thường-Kiệt người làng Thái-hòa, huyện Thọ-xương (Hà-nội bây giờ). Ông là người văn võ toàn tài. Ông làm chức Thái-úy đời vua Lý Nhân-tôn. Quân Chiêm-thành sang quấy-nhiều ở vùng Nghệ-an. Lý thường-Kiệt phá tan quân giặc, tiến thẳng vào thành Phật-Thệ. Bắt được vua Chiêm là Chế-Cur đem về Thăng-long. Để chuộc tội, vua Chiêm xin dâng ba châu Địa-lý, Ma-linh, Bồ-chính (tức là đất Quảng-bình, Quảng-trị ngày nay).

Thời nhà Tống bên Tàu, Vương-an-Thạch làm tể-tướng, dự-bị binh mã, định sang xâm chiếm nước ta. Với tài dụng binh như thần, Lý thường-Kiệt đem quân đánh trận sang Tàu. Hạ được châu Khâm, châu Liêm và vây hãm châu Ung, phá-hủy các căn-cứ quân-sự, chiếm các kho tàng, giết hại mười vạn quân địch, quân ta mới rút về nước.

Năm sau, vua Tống sai Quách-Quý làm nguyên-soái, thống lĩnh mười vạn quân sang đánh báo thù. Mặt khác quân Tống

còn hội-ước với Chiêm-thành, Chân-lạp sang quấy-nhiều miền Nam nước ta. Lý thường-Kiệt sai quân đập chiến-lũy liền với dãy núi Tam-Đảo. Ở đây, hai bên đánh nhau nhiều trận ác-liệt. Ông lại lập mưu, mật sai người núp trong miếu, đêm-đêm ngấm thơ mắng giặc. Đại ý nói : « nước Nam là của người Nam, giặc nào xâm-phạm sẽ bị phá tan » Quân-sĩ thấy vậy, tinh-thần quyết thắng càng cao. Sau 15 tháng chiến-tranh, quân Tàu thiệt hại nhiều, đành phải rút lui (1077).

Đã 85 tuổi, Lý thường-Kiệt còn cầm quân sang đánh Chiêm-thành. Từ đó nước Chiêm phải chịu hàng-phục nước ta.

Lý thường-Kiệt thật là một vị anh-hùng đáng sùng-bái muôn đời. Đề kỷ-niệm sự chiến-thắng oanh-liệt đối với quân Tống, ca-dao ta có câu : « Nực cười châu-chấu đá xe. Tướng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng ».



## VIẾT THƯ

*CHÚ-Ý : Lời lẽ trong thư phải lễ-phép, thành-thực, rõ-ràng nếu viết cho người trên. Lời-lẽ phải thân-mật, thành-thực, nếu viết cho người ngang hàng.*

*Nên nói thẳng vào việc cần-thiết. Tránh nói những chuyện vô-ích dài-dòng không đầu.*

### DÀN BÀI CHUNG

- Chỗ ở, ngày, tháng, năm. Viết cho ai.
- Viết thư để làm gì ?
- Kể chuyện riêng của mình, thí-dụ việc học-hành, việc gia-đình.
- Hỏi thăm đến chuyện của người đọc thư, thí-dụ việc học-hành, việc gia-đình.
- Lời chúc.
- Ký tên.



### BÀI 50

## Thư xin phép nghỉ học

### DÀN BÀI

- Chỗ ở, ngày, tháng, năm.  
Thư viết cho ai.
- Xin phép nghỉ mấy hôm.
- Lý-do (vi ốm đau hay cha mẹ ốm đau).
- Tiếc rằng nghỉ học là thiệt.
- Hứa xin cố-gắng.
- Lời cảm ơn.
- Ký tên.



BÀI LÀM

Sài-gòn, ngày 15 tháng 1 năm 1961.

Kính thưa Thầy,

Tên con là Trần-đức-Hạnh, học-sinh lớp Thầy, viết thư này kính xin Thầy rộng phép cho con được nghỉ học hai ngày: ngày thứ sáu, 15-1-61 và ngày thứ bảy, 16-1-61.

Cha con bị cảm đã ba hôm nay. Đêm vừa qua, bệnh tình càng tăng thêm. Mẹ con phải đưa cha con đi thăm bệnh. Các em con còn nhỏ dại. Con phải trông nhà và săn-sóc các em con.

Không được nghe Thầy giảng-day, bài học không hiểu, con tiếc lắm. Thiếu bài tất nhiên phải kém anh em, con cũng lo lắm. Nhưng đây là sự bắt buộc. Nếu con không nghỉ thì mẹ con không sao săn-sóc được cha con trong khi yếu nặng.

Khi bệnh-tình cha con thuyên-giảm con sẽ đến trường. Thư hai tới con sẽ có mặt ở lớp học.

Con xin chép tất cả các bài sót-thiếu và chăm-chỉ học như trước.

Con xin thành-thực cảm ơn Thầy.

Học-trò Thầy  
Ký tên

\*

BÀI 51

Thư thăm bạn ốm

DÀN BÀI

- a) Chỗ ở, ngày, tháng, năm.  
Tên bạn.
- b) Nói nhớ bạn (vì sự vui chơi, vì sự học).
- c) Khuyến bạn chịu khó dùng thuốc và kiêng khem cẩn-thận.

- d) Kể chuyện học-hành.
- e) Hứa sẽ chép bài giúp bạn.
- g) Xin lỗi bạn vì không đến thăm bạn được.
- h) Chúc bạn chóng khỏi bệnh.

BÀI LÀM

Sài-gòn, ngày tháng năm 1961.

Đức thân-mến,

Thế là đã ba ngày Đức không đi học rồi. Ba ngày không gặp Đức mình tưởng như lâu đến ba tháng. Mỗi giờ chơi thiếu Đức, mình thấy lẻ-loi quá.

Được tin Đức cũng cảm xoàng thôi, mình cũng yên tâm. Đức cứ chịu khó uống thuốc kiêng khem cẩn-thận cho chóng bình-phục. Mình sẽ chép giúp Đức những bài bỏ thiếu.

Đức ạ, hôm qua thầy trả bài luận thi. Đức được mười sáu điểm, xếp hạng năm. Mình kẹm Đức có nửa dềm, phải xếp hạng mười. Chỉ còn năm hôm nữa lại thi Địa-lý rồi, thế mà mình chưa thuộc hết. Nhân thú thực phải cố học, không đến thăm Đức được. Đức tha thứ cho Nhân nhé.

Cầu chúc Đức chóng mạnh để đi học cho vui. Các bạn nhắc-nhở đến Đức luôn. Nhiều chuyện vui để dành vài hôm nữa sẽ nói nhiều.

Mong nhớ Đức lắm đấy.

Thân mến  
Ký tên

\*

**BÀI 52**

**Thư mừng tuổi thầy-giáo  
(hay cô-giáo) cũ của em, trong dịp  
Tết Nguyên-đán âm-lịch**

**DÀN BÀI**

- a) Chỗ ở, ngày, tháng, năm.  
Kính thưa Thầy (hay thưa Cô).
- b) Chúc Thầy cùng gia-quyển.
- c) Tiếc rằng trong ngày mừng một Tết không được mừng tuổi Thầy giáo ở trong gia-đình của Thầy.
- d) Nhân dịp Tết trong lòng em ghi lại những kỷ-niệm cũ.
- e) Mừng tuổi Thầy cũng như mừng tuổi cha mẹ.
- g) Ký tên.

**BÀI LÀM**

*Sài-gòn, ngày tháng năm 1961.*

Kính thưa Thầy,

Còn ba hôm nữa, ngày mừng một Tết năm Kỷ-hợi sẽ tới. Nhân dịp xuân về con thành-thực chúc Thầy cùng bửu-quyển một năm mới đầy hạnh-phúc.

Đó là ngày vui nhất trong năm. Trong những ngày xuân tươi-đẹp, em được theo cha mẹ em đi mừng tuổi các bậc thân-thuộc trong gia-tộc, mà không được đến trước mặt Thầy để mừng tuổi Thầy. Thực là một điều đáng tiếc cho con.

Cũng ngày này năm ngoái, con được vui-vẻ với bao anh em trong lớp. Thầy vui-vẻ thân-mật nói chuyện với chúng con. Cuộc vui ấy không khác gì ngày đoàn-tụ trong gia-đình chúng con trong ngày mừng một Tết. Những lời thân-mật còn văng-vẳng bên tai con, hình như trong óc con ghi nhớ lại những lời giáo-huấn của Thầy. Những lời giáo-huấn ấy vừa âu-yếm vừa cặn-kẻ không khác gì lời của bà từ-mẫu dạy con. Con

thăm cảm-phục lòng cao-cả của Thầy, hằng ngày tận-tụy vì tương-lai của chúng con.

Một lần nữa, con xin mừng tuổi Thầy, Có được mạnh-khỏe cũng như con chúc mừng cha mẹ con.

*Bài thư  
Học-trò Thầy  
TRẦN ĐỨC-BÀI*



**BÀI 53**

**Thư cảm ơn chú em đã  
gửi cho em cái đồng-hồ**

**DÀN BÀI**

- a) Chỗ ở, ngày, tháng, năm.  
Thưa Chú.
- b) Nói sự vui mừng khi nhận được cái đồng-hồ đeo tay.
- c) Tả qua cái đồng-hồ xinh-đẹp.
- d) Nhìn vào đồng-hồ lòng em nghĩ gì? (Sự yêu-đấu của chú đối với cháu -- Lời khuyên thăm của chú đối với sự học-hành của cháu.)
- e) Hứa xin chăm học và lời cảm ơn.
- g) Nói qua đến sự yên vui của gia-đình em.
- h) Chúc cho gia-đình chú em được bình-an.

**BÀI LÀM**

*Sài-gòn, ngày tháng năm 1961*

Thưa Chú,

Hôm thứ hai vừa rồi, nhận được quà tặng của chú, lòng cháu vui-sướng vô cùng.

Chiếc đồng-hồ đeo tay xinh-xắn quá, nhìn không chán mắt. Vỏ bằng thép sáng-loáng. Dây bằng nhung đen lầy. Có đem đương ngủ, cháu sợ tỉnh dậy nhìn lên mặt cái đồng-hồ. Những cái kim dạ-quang chỉ vào chữ số rõ mồn-một. Những tiếng tích-tách nho-nhỏ đều-đều ban đêm nghe càng giòn thêm.

Chiếc đồng-hồ ấy chạy rất đúng giờ trong máy truyền-thanh. Nó hướng dẫn cho cháu từng giờ từng phút để học bài, làm bài và đi nhà trường.

Cháu nhìn vào cái đồng-hồ như nghe thấy lời khuyên dạy thân-ái của chú. Cháu xin vâng lời chú. Cháu cố gắng học-hành để khỏi phụ lòng yêu-đầu của chú đối với cháu. Hằng tháng cháu viết thư đề báo tin-tức học-hành với chú.

Gia-đình cháu yên vui. Anh em chúng cháu vẫn đi học như thường. Cháu xin kính chúc chú, thím được mọi sự như ý và chúc các em cháu được mạnh khỏe luôn luôn. Thầy mẹ cháu dặn : Bao giờ về chơi Thủ-đô, chú thím cho các em về chơi với chúng cháu.

Một lần nữa, cháu thành-thực cảm ơn chú.

*Cháu của chú*



BÀI 54

### Thư cảm ơn cậu em đã gửi cho em cái bút máy

#### DÀN BÀI

- a) Chỗ ở, ngày, tháng, năm.  
Thưa Cậu.
- b) Mừng được cái bút máy.
- c) Lời cảm ơn và hứa xin chăm học.
- d) Thăm gia-đình cậu em.
- e) Tin của gia-đình em.

#### BÀI LÀM

Sài-gòn, ngày tháng năm 1961

Thưa Cậu,

Chiều qua đi học vừa về tới nhà, mẹ cháu đưa cho cháu cái bút « Pilot » mới tinh.

Cái bút đẹp quá ! Ngòi vàng óng-ánh. Quấn đen bóng như hạt huyền. Cả cái cặp cũng bằng vàng đỏ chói, mẹ cháu bảo : « Bút của cậu ở Đà-lạt gửi cho con đây. Cái bút này ở Sài-gòn cũng phải mua tới hai trăm đồng ». Cháu mừng quá, cặp thử vào túi áo sơ-mi, ngắm-nghĩa mãi. Mẹ cháu nói : « Thôi cất cẩn-thận đi. Con cầm đi học lại đành rơi mất ! »

Hồi tháng sáu cậu về chơi với gia-đình cháu, cậu khuyên cháu « Chịu khó mà học. Hễ được lên lớp cậu sẽ thưởng cho ». Thưa cậu, cháu biết rằng cậu sẵn lòng yêu-mến các cháu như con đẻ, hằng mong cho các cháu nên người. Cháu cảm ơn cậu lắm. Mỗi khi nhìn vào cái bút máy, cháu lại nhớ đến lời giáo-huấn của cậu mà cố-gắng thêm

Ở Đà-lạt mát-mẻ chắc cậu, mợ và các em thương mạnh khỏe luôn. Chắc-chắn các em học-hành cũng mau tấn-tới. Em bé đã biết bò chưa ? Đã biết gọi ba má chưa ? Cậu nhớ gửi cho các cháu bức ảnh chụp cả gia-đình.

Cha mẹ cháu mạnh khỏe. Anh em chúng cháu đi học đều-dặn.

*Kính thư  
Cháu của Cậu*



BÀI 55

### Thư thăm anh em du-học ở bên Mỹ

#### DÀN BÀI

- a) Chỗ ở, ngày, tháng, năm.  
Tên anh em.
- b) Gia-đình vẫn hay viết thư cho anh.
- c) Em ít viết thư vì có gì ?
- d) Nhắc lại lời cha em thường nói đề anh em hăng-hái học-tập.
- e) Tin gia-đình.
- g) Lời chúc mạnh-khỏe.

BÀI LÀM

Sài-gòn, ngày tháng năm 1961

Anh Hậu,

Tháng nào anh cũng viết thư về thăm gia-đình. Thư của anh chuyển tay hết người nọ sang người kia. Mẹ để vào cái hộp trong ngăn tủ. Thỉnh-thoảng mẹ lại lấy ra xem, em Hải đến ngồi bên đọc om lên.

Em chắc lần nào thầy, mẹ cũng trả lời anh kỹ-lưỡng. Em thấy có khi mẹ viết thư cho anh đến hai ba trang giấy dài dằng-dặc. Xin lỗi anh, em bận học cũng có, không biết nói gì ngoài những câu thầy, mẹ đã nói cũng có. Thành thử em ít dám viết, chứ không phải là ngại viết.

Em thầm nghĩ bụng rằng : Đề dành những thi giờ xem thư cho anh đọc sách Đề dành những thi giờ viết thư cho anh đi du-ngoạn những nơi thắng-cảnh. Em ước-ao rằng : Mỗi cuộc du-ngoạn anh sẽ gom-góp một ít tranh-ảnh và ghi những điều mắt thấy tai nghe. Đề sau này, anh có cuốn nhật-ký làm kỷ-niệm và lập thành tủ sách gia-đình. Sau bốn năm du-học, khi về nước, anh sẽ góp phần vào công-cuộc xây-dựng nước nhà. Có như vậy, thầy mẹ mới được vui lòng. Những lúc vui chuyện với các ông bạn già, thầy vẫn nói : « Thanh-niên bây giờ thật là sung-sướng. Muốn đi du-học nước nào cũng dễ. Muốn học khoa gì cũng được. Đâu có phải như thời ngoại-thuộc, người ta chỉ dạy mình cái văn-minh « võ » để làm tay sai cho họ. »

Anh ạ, chúng em vẫn học-hành chăm-chỉ. Hằng tháng em được ghi vào hạng khá trong lớp. Em Hải cũng vậy. Gia-đình yên vui.

Chúc anh mạnh khỏe.

Em của anh  
BÀI

HẾT

MỤC-LỤC

SỐ BÀI	ĐẦU ĐỀ	TRANG	SỐ BÀI	ĐẦU ĐỀ	TRANG
	LỜI NÓI ĐẦU			TẢ CÂY CỎ	28
	TẢ ĐỒ-VẬT	7	18	DÀN BÀI CHUNG	
	DÀN BÀI CHUNG		19	Cây cam	28
1	Bảng đen	7	20	Cây dứa	30
2	Bàn giấy	8	21	Cây mít	31
3	Bảng danh-dự	10	22	Cây bàng	33
4	Cấp sách	11	23	Cây chuối	34
5	Sách học vỡ lòng	12	24	Cây vú sữa	35
6	Lớp em học	13	25	Cây đào	36
7	Trường học em	15	26	Khóm huệ	37
8	Nhà cha mẹ em	16		Cây cúc	38
9	Buồng khách	17		TẢ ĐỘNG-VẬT	40
10	Bàn thờ	18		DÀN BÀI CHUNG	
11	Đồng-lồ đeo tay	19	27	Con mèo	40
12	Xe đạp	20	28	Con thỏ	42
13	Tủ áo	22	29	Con bò	43
14	Bút máy	23	30	Con gà mái	44
15	Quạt máy	24	31	Con vịt	45
16	Máy truyền-thanh	25	32	Chim yến	46
17	Máy khâu	26	33	Chim bồ-câu	47

SỐ BÀI	ĐẦU ĐỀ	TRANG	SỐ BÀI	ĐẦU ĐỀ	TRANG
34	Con cá vàng	49	44	Giặt quần áo	68
	<b>TẢ NGƯỜI</b>	51	45	Em bé có chí	
	<b>DÀN BÀI CHUNG</b>			học-hành	69
35	Ông em	51	46	Em bé có hiếu	71
36	Cuộc quyền quần áo	53	47	Giúp-đỡ cụ già	73
37	Mẹ em	55	48	Chuyện cổ-tích	75
38	Đưa em út	57	49	Một vị anh-hùng	77
39	Thầy-giáo em	58			79
	<b>TẢ QUANG-CẢNH</b>	60		<b>VIẾT THƯ</b>	
	<b>DÀN BÀI CHUNG</b>		50	<b>DÀN BÀI CHUNG</b>	
40	Giờ chơi	60	51	Xin phép nghỉ học	79
41	Lúc tan học	62	52	Thăm bạn ốm	80
42	Cảnh sum-hạp ở gia-đình	67	53	Mừng tuổi thầy-giáo	82
	<b>THUẬT CHUYỆN</b>			Cảm ơn chú cho em cái bút máy	83
	<b>DÀN BÀI CHUNG</b>		54	Cảm ơn cậu cho em cái bút máy	84
43	Nấu cơm	66	55	Thăm anh em học ở bên Mỹ	85